



**THOÁT CHIẾC ÁO CHẬT?
TÁC ĐỘNG CỦA THỦY ĐIỆN A VƯƠNG
TỪ GÓC NHÌN GIỚI**

Quảng Nam, tháng 11/2018

THOÁT CHIẾC ÁO CHẬT?

TÁC ĐỘNG CỦA THỦY ĐIỆN A VƯƠNG TỪ GÓC NHÌN GIỚI

Nhóm nghiên cứu

Nguyễn Khánh Tâm Anh, xã Đại Hồng

Trần Thị Kim Hoa, Hội Phụ nữ xã Đại Hồng

Trần Mai Hương, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Xã hội (CSRĐ)

Lê Thị Lai, Hội Phụ nữ huyện Tây Giang

ThS. Lê Văn Long, Giảng viên Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Quảng Nam

Nguyễn Thị Kim Nhựt, Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Ma Cooih

Võ Chí Quyết, Phòng Quan hệ cộng đồng, Công ty Cổ phần A Vương

Hoàng Thị Hoài Tâm, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Xã hội (CSRĐ)

Đoàn Thị Vân, Hội Phụ nữ huyện Đông Giang

TS. Nguyễn Quý Hạnh, Cố vấn CSRĐ (Trưởng nhóm)

Lời cảm ơn

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn người dân ở các cộng đồng địa phương đã dành thời gian tham gia, tích cực trong thảo luận và có những đề xuất quan trọng. Đây là những nguyên liệu chính yếu làm nên những phân tích và lập luận quan trọng của báo cáo này. Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ quý báu của lãnh đạo và cơ quan ban ngành của Tây Giang, Đông Giang và Đại Lộc, nhất là Hội Phụ nữ các cấp, đã giúp nhóm nghiên cứu trong nắm bắt các thông tin bao quát của địa phương cũng như chuyên môn sâu của lĩnh vực nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng của báo cáo. Nhóm nghiên cứu cũng xin gửi lời cảm ơn đến lãnh đạo Công ty cổ phần thủy điện A Vương, đặc biệt đến Ông Ngô Xuân Thế - Phó Tổng giám đốc công ty đã luôn đồng hành, cung cấp cho chúng tôi những thông tin hữu ích liên quan đến thủy điện và dự án thủy điện A Vương cũng như sắp xếp cử cán bộ cùng tham gia nghiên cứu. Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ và đối thoại của công ty và các bên liên quan trong thúc đẩy phát triển thủy điện bền vững ở địa phương.

Mục lục

<i>Lời cảm ơn</i>	<i>iii</i>
<i>Mục lục</i>	<i>iv</i>
<i>Từ viết tắt</i>	<i>vi</i>
Chương 1: Giới thiệu	1
1. Giới thiệu về đánh giá tác động giới	1
2. Thủy điện trên hệ thống Vu Gia –Thu Bồn tỉnh Quảng Nam	3
3. Thủy điện A Vương	5
4. Địa bàn nghiên cứu.....	9
5. Tiếp cận nghiên cứu.....	13
6. Cấu trúc báo cáo	15
Chương 2: Đánh giá tác động giới tại các cộng đồng tái định cư	16
1. Hồ sơ cộng đồng.....	16
2. Phân tích tác động	21
3. Phân tích nhu cầu, nâng cao vị thế phụ nữ.....	25
Chương 3: Đánh giá tác động giới tạo cộng đồng vùng hạ lưu	26
1. Hồ sơ cộng đồng.....	26
2. Phân tích tác động	35
3. Phân tích nhu cầu, nâng cao vị thế phụ nữ.....	39
Chương 4: Thảo luận, kết luận và khuyến nghị	41
1. Thảo luận	41
2. Kết luận.....	45
3. Khuyến nghị.....	47
<i>Tài liệu tham khảo</i>	<i>48</i>
<i>Phụ lục 1:</i>	<i>49</i>
<i>Phụ lục 2:</i>	<i>50</i>

Từ viết tắt

CSRĐ	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Xã hội
EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
GIA	Đánh giá tác động giới
NMTĐ	Nhà máy thủy điện
TĐC	Tái định cư
UBND	Ủy ban nhân dân



CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU

1. Giới thiệu về đánh giá tác động giới

Theo các quy định của pháp luật Việt Nam, các dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, bao gồm nhóm các dự án liên quan đến thủy lợi, khai thác rừng, trồng trọt, phải có *đánh giá tác động môi trường*, bao gồm hợp phần đánh giá về kinh tế xã hội. Cũng như vậy, *đánh giá tác động xã hội* được khuyến khích được thực hiện để dự báo và có những giải pháp giảm thiểu những tác động tiêu cực có thể ảnh hưởng đến con người và cộng đồng bị ảnh hưởng, nhất là về sức khỏe, sinh kế và các yếu tố văn hóa và xã hội khác. Đánh giá tác động giới chỉ được thực hiện gần đây ở các nước tiên tiến, như Hà Lan, Úc như một công cụ chính sách để đảm bảo các quyết định đều có xem xét đến yếu tố giới.

Luật Bình đẳng giới 2006 xác định “Mục tiêu bình đẳng giới là xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình”. Điều 7 của Luật khẳng định chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới bao gồm:

1. Bảo đảm bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình; hỗ trợ và tạo điều kiện cho nam, nữ phát huy khả năng, có cơ hội như nhau để tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả của sự phát triển.
2. Bảo vệ, hỗ trợ người mẹ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ; tạo điều kiện để nam, nữ chia sẻ công việc gia đình.
3. Áp dụng những biện pháp thích hợp để xoá bỏ phong tục, tập quán lạc hậu cản trở thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

4. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân tham gia các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới.
5. Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn; hỗ trợ những điều kiện cần thiết để nâng chỉ số phát triển giới đối với các ngành, lĩnh vực và địa phương mà chỉ số phát triển giới thấp hơn mức trung bình của cả nước.

Ngày 24/12/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2351/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020. Trong lĩnh vực xây dựng và thực thi pháp luật, Luật Bình đẳng giới đã quy định bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực thi pháp luật là một trong sáu nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới. Nguyên tắc này cũng đã được cụ thể hóa ở một số văn bản khác nhau như: Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới; Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04/06/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 cũng có quy định về trách nhiệm của Ủy ban về các vấn đề xã hội trong việc thẩm tra việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết (Điều 47).

Đánh giá tác động giới trong phát triển thủy điện được các tổ chức quốc tế bao gồm Oxfam khuyến nghị chú ý không chỉ vì vai trò khác nhau về giới liên quan đến quản trị và tham gia sử dụng tài nguyên nước mà còn giúp các bên liên quan, nhất là các nhà đầu tư, những người xem phát triển thủy điện như là một hoạt động can thiệp phát triển, tăng hiệu quả về kinh tế và xã hội của các dự án thủy điện. Cùng với đánh giá tác động môi trường và đánh giá tác động xã hội, đánh giá tác động giới cung cấp cho các bên liên quan những cách hiểu, dự báo và kế hoạch giảm thiểu chi tiết và cụ thể hơn để phát triển và nâng cao vị thế của các cộng đồng bị ảnh hưởng, trong đó nhấn mạnh các nhóm dân tộc thiểu số và phụ nữ, những người ít được thấy và nghe trong các hoạch định về dự án phát triển nói chung và phát triển thủy điện nói riêng.

Trong những năm qua, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Xã hội (CSRĐ) dưới sự tài trợ của Oxfam đã “thí điểm đánh giá tác động về giới tại thủy điện A Lưới và thủy điện Srepók thuộc khu vực các nhánh sông 3S của miền Trung và Tây Nguyên Việt Nam” với mục tiêu tổng quát của dự án là nhằm hỗ trợ các công ty thủy điện và cơ quan nhà nước liên quan sẽ cân nhắc đến vai trò, tác động về giới trong quá trình phát triển thủy điện ở khu vực dọc sông 3S tại các tỉnh miền Trung và Tây nguyên Việt Nam. Tiếp nối những kết quả đã đạt được, dự án tiếp tục được Oxfam hỗ trợ để thực hiện với thủy điện A Vương, Quảng Nam, một mặt thúc đẩy thực hành đánh giá tác động giới và hỗ trợ các cộng đồng bị ảnh hưởng đối với các dự án thủy điện, mặt khác có thể xây dựng một bộ công cụ đánh giá tác động giới.

2. Thủy điện trên hệ thống Vu Gia - Thu Bồn tỉnh Quảng Nam

Với diện tích toàn lưu vực đến 10,350 km², sông Thu Bồn bắt nguồn từ núi Ngọc Linh thuộc huyện Đăk Glai, tỉnh Kon Tum, chảy theo hướng gần Bắc Nam qua các huyện Trà My, Tiên Phước, Hiệp Đức và Nông Sơn, rồi chảy qua Giao Thủy vào vùng đồng bằng qua các huyện Duy Xuyên, Đại Lộc, Điện Bàn, Quế Sơn, và đổ ra biển tại Cửa Đại, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, một nhánh chảy vào sông Vĩnh Điện để đổ nước vào sông Hàn, Đà Nẵng. Trước khi đổ ra biển tại cửa Đại, một phần nước của sông chảy vào sông Trường Giang để đổ ra vịnh An Hòa Tam Quang, huyện Núi Thành. Sông Vu Gia, có diện tích lưu vực khoảng 5.500 km², bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, bao gồm các nhánh sông Cái, sông Bung, sông Côn, chảy qua các huyện Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Đại Lộc, Điện Bàn của tỉnh Quảng Nam. Phần thượng nguồn lưu vực ở huyện Phước Sơn được gọi là Đăk My, sông chảy theo hướng Nam lên Bắc. Khi qua địa bàn phía Đông huyện Nam Giang, sông được gọi là sông Cái. Tại đây, nó nhận một chi lưu lớn ở phía Tây (tả ngạn), đó là sông Thanh. Bắt đầu khi chảy sang huyện Đại Lộc, sông được gọi là Vu Gia và có dòng chảy theo hướng Đông-Tây. Tại đây, sông tiếp tục nhận hai chi lưu lớn chảy xuống từ phía Bắc là sông Bung và sông Côn. Sông Vu Gia chảy đến địa phận xã Đại Hòa ở phía Tây Đại Lộc thì tách ra làm hai dòng, một là sông Yên chảy lên phía Bắc hợp lưu với sông Cầu Đỏ, còn lại là sông Quảng Huế đi về phía Nam hội lưu với sông Thu Bồn.

Sông Vu Gia hợp với sông Thu Bồn tại điểm hợp lưu Đại Lộc, qua sông Quảng Huế, tạo thành hệ thống sông lớn Vu Gia - Thu Bồn (Hình 1.1). Lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn có phần lớn diện tích nằm trong địa phận Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, phần thượng nguồn một phần nằm trên đất Kon Tum và Quảng Ngãi. Phía bắc lưu vực là sông Cu Đê, phía Nam giáp lưu vực sông Sê San, sông Trà Bồng và phía Đông biển Đông và lưu vực sông Tam Kỳ và phía Tây giáp với Lào. Sự sắp xếp của các dãy núi đã tạo ra hướng dốc chính của địa hình lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn là hướng Tây Nam - Đông Bắc, và dòng chính sông Thu Bồn có hướng chảy chính Tây Nam - Đông Bắc ở phần thượng, trung du và chuyển hướng chảy Tây - Đông ở vùng hạ du lưu vực.

Lưu lượng bình quân nhiều năm của dòng chảy hệ thống Vu Gia - Thu Bồn là 400 m³/s; vào mùa khô 40-50 m³/s, mùa lũ đến 27.000 m³/s. Mùa lũ trên lưu vực Vu Gia - Thu Bồn xảy ra hàng năm từ tháng 10 - 12, nhưng biến động khá lớn, có nhiều năm lũ sớm xảy ra từ tháng 9 và lũ muộn sang tháng 1 của năm sau. Lũ lớn nhất trong năm thường xảy ra vào nửa cuối tháng 10 và 11. Lũ trong hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn xảy ra dồn dập trong thời gian không dài và các trận lũ thường là lũ kép từ 2 đỉnh trở lên. Đặc điểm lũ trong hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn là lũ lên nhanh, xuống nhanh với biên độ và cường suất lũ lớn ở thượng và trung lưu, lũ lên tương đối nhanh nhưng rút chậm ở hạ lưu.

Hình 1.1: Hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn

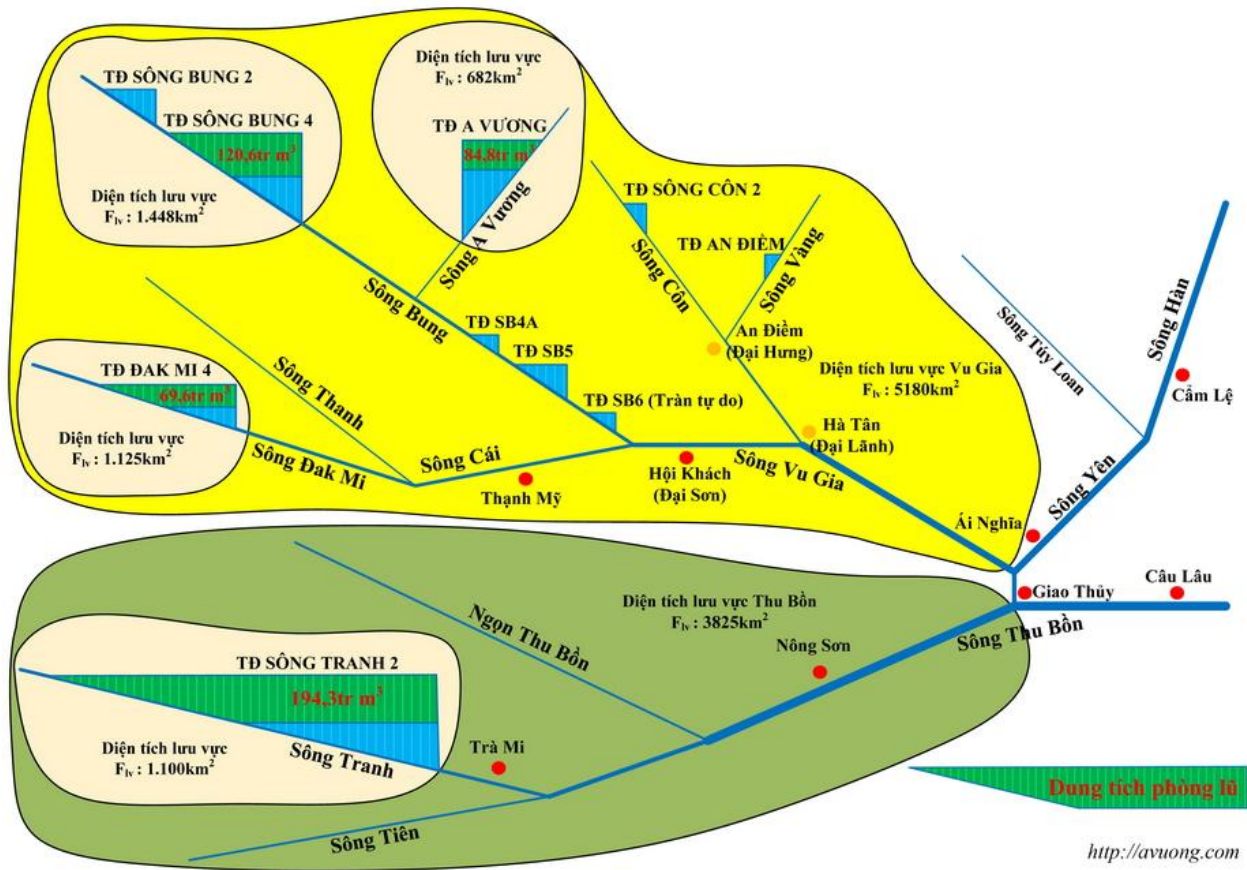


Nguồn: Dương Quốc Huy và cộng sự 2013

Theo báo cáo của Sở Công Thương Quảng Nam, quy hoạch thủy điện tỉnh Quảng Nam gồm 46 dự án đã được phê duyệt, với tổng công suất hơn 1.726MW, điện lượng bình quân hơn 6,530 triệu kWh/năm, bao gồm 10 thủy điện bậc thang do Bộ Công Thương phê duyệt và 36 dự án thủy điện vừa và nhỏ do UBND tỉnh phê duyệt (Hình 1.2). Việc triển khai đầu tư các dự án thủy điện đối với 10 công trình thủy điện thuộc bậc thang hệ thống sông Vu Gia-Thu Bồn, đến nay đã có 8 công trình phát điện với tổng công suất 958MW và 2 công trình đang xây dựng. 36 thủy điện vừa và nhỏ đã có 12 công trình phát điện với công suất 153,96 MW; 3 công trình đang thực hiện đầu tư xây dựng và 21 dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

Trong quá trình quy hoạch thủy điện, tháng 12 năm 2013, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam đã yêu cầu ngừng đầu tư và loại bỏ 23 dự án thủy điện khỏi kế hoạch, bao gồm các nhà máy thủy điện sau: Sông Tranh 5, Hiệp Đức, Ta Moih, Ma Cooih, Ha Ra, Bồng Miêu, A Vương 4, A Vương 5, Nước Brou, Nước Xa, A Banh, Đăk Pring, Cha Val, A Vương 3, Sông Bung 3A, Nước Biêu, Đăk Di 1, Đăk Di 2, Đăk Di 4, Nước Chè, Sông Bung 3, Trà Linh 2, Đăk Pring 2, và Tam Phúc. Ngày 7 tháng 9 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1537/QĐ-TTg quy định quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, bao gồm các hồ: A Vương, Đăk Mi 4, Sông Tranh 2, Sông Bung 4, Sông Bung 4A và Sông Bung 5.

Hình 1.2: Sơ đồ các nhà máy thủy điện trên hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn



Nguồn: avuong.com

3. Thủy điện A Vương

Công trình thủy điện A Vương thuộc xã Maccoih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam, cách thành phố Đà Nẵng khoảng 100km. Các hạng mục chính của công trình đều nằm ở vị trí hiểm trở, có địa chất đặc biệt (xem Hình 1.3). Dự án Thủy điện A Vương có tổng vốn đầu tư trên 3.800 tỷ đồng, khởi công xây dựng tháng 8/2003, phát điện tổ máy 1 ngày 11/10/2008 và phát điện tổ máy 2 vào ngày 28/12/2008. Nhà máy có tổng công suất 210 MW gồm 2 tổ máy, điện lượng bình quân hàng năm là 815 triệu KWh. Dung tích hồ chứa là 343,55 triệu m^3 .

Hình 1.3: Công trình thủy điện A Vương



Nguồn: avuong.com

Dự án thủy điện A Vương có ảnh hưởng trực tiếp đến 330 hộ/1572 khẩu đồng bào Katu, trong đó: 34hộ/99 khẩu tự di dời, còn lại 296 hộ/1473 khẩu tái định cư tại 03 khu:

- 02 khu tái định cư Pachepalanh (132 hộ) và Cutchrún (95 hộ) thuộc xã MaCooih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.
- Khu tái định cư A Lua (69 hộ) thuộc xã Dang, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam.

Các khu tái định cư thi công hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng tất cả các hạng mục của công trình gồm: nhà ở, công trình công cộng (trường học, trụ sở UBND xã, nhà gương, nhà hiệu bộ, trạm y tế ...), đường giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước sinh hoạt và sản xuất, đất sản xuất lúa nước và lúa rẫy vào đầu năm 2006, đã thực hiện đúng theo tiêu chuẩn, quy hoạch được tỉnh Quảng Nam phê duyệt.

Công tác bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư dự án thủy điện A Vương đã thực hiện đúng theo tiêu chuẩn, quy hoạch được tỉnh Quảng Nam phê duyệt. Về công tác đền bù hỗ trợ, đối với đất ở, các hộ thuộc diện thu hồi đều được nhận đất trong khu tái định cư, định mức đất ở 400m²/hộ, đất đã được san ủi và phân lô theo đúng tiêu chuẩn đất thổ cư có đầy đủ kết cấu hạ tầng. Riêng khu tái định cư Alua, theo đề nghị của UBND huyện Hiên (nay là huyện

Đông Giang và Tây Giang) thống nhất bố trí đất ở cho mỗi hộ tối thiểu là 200m². Những hộ thuộc diện di dời được nhận từ 1,2-1,5ha đất canh tác, phần đất bị thiệt hại lớn hơn 1,5ha được nhận bồi thường bằng tiền theo đơn giá đất của tỉnh Quảng Nam. Các hộ có phần đất ở cũng như đất canh tác bị thiệt hại lớn hơn diện tích đất được cấp trong khu tái định cư sẽ được đền bù bằng tiền theo đơn giá từng loại đất được UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt. Đối với đền bù nhà ở, bồi thường bằng tiền với giá trị bằng giá trị xây dựng ngôi nhà trong khu tái định cư cho những hộ tự di dời hoặc xây dựng 01 căn nhà có diện tích xây dựng tối thiểu 75m² trong khu tái định cư. Vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất được bồi thường đúng với chủng loại và số lượng theo đơn giá bồi thường hỗ trợ của tỉnh Quảng Nam. Ngoài ra, dự án cũng đã:

- Đền bù di chuyển mồ mả: thực hiện theo đơn giá của tỉnh Quảng Nam.
- Hỗ trợ ổn định đời sống: 18 tháng, với mức hỗ trợ: 30kg gạo/khẩu/tháng.
- Hỗ trợ cúng di dời mồ mả 400.000đ/hộ.
- Hỗ trợ tiền cúng nơi đến mỗi thôn 01 con trâu (5.000.000đ).
- Hỗ trợ xây dựng mỗi thôn một nhà Gươil.
- Hỗ trợ giống cây trồng mỗi hộ 500.000đ và một con bò giống 2.000.000đ.
- Hỗ trợ tiền điện sinh hoạt 20.000đ/hộ/tháng, thời gian hỗ trợ 12 tháng.
- Hỗ trợ phân bón: 3.000.000đ/hộ.

Sau khi đưa khu tái định cư Pachepalanh và Cutchrún vào sử dụng (năm 2006), để nâng cao đời sống cho đồng bào 2 khu tái định cư này huyện Đông Giang lập dự án và được tỉnh Quảng Nam phê duyệt “Dự án mở rộng phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân tại khu tái định cư Pachepalanh và Cutchrún- giai đoạn 2008-2015” với tổng mức đầu tư của dự án này là 44,929 tỷ đồng trong đó có đề nghị Tập đoàn điện lực Việt Nam - Công ty cổ phần thủy điện A Vương đóng góp 5,832 tỷ đồng. Căn cứ theo dự án này, Công ty cổ phần thủy điện A Vương đã chuyển toàn bộ nguồn vốn này cho huyện Đông Giang để nâng cấp nhà tái định cư gồm: Nâng cấp cầu thang bằng bê tông thay cho cầu thang bằng gỗ, đổ bê tông sàn ban công, san nền nhà tầng trệt; sửa chữa thủy lợi Adang, đo đạc giải thửa mở rộng đất sản xuất... Các nhà tái định cư Pachepalanh và Cutchrún đã được nâng cấp kiên cố và bà con đồng bào an tâm sử dụng lâu dài.

Theo đề xuất của UBND tỉnh Quảng Nam gửi Tập đoàn điện lực Việt Nam đề nghị giải quyết một số tồn tại liên quan đến các dự án do Tập đoàn điện lực Việt Nam làm chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Tập đoàn điện lực Việt Nam đã tổ chức họp với UBND tỉnh Quảng Nam và xin ý kiến đồng ý của Thủ tướng Chính phủ. Tập đoàn điện lực Việt Nam - Công ty cổ

phần thủy điện A Vương tiếp tục hỗ trợ cho đồng bào các khu tái định cư, với tổng kinh phí 33,658 tỷ đồng, gồm các nội dung hỗ trợ sau:

- Hỗ trợ gạo cho đồng bào trong ba khu tái định cư với mức hỗ trợ 10kg/người/tháng với giá cố định 13.000 đ/kg; thời gian hỗ trợ là 42 tháng (từ tháng 7/2012 đến tháng 12/2015), tổng kinh phí 9,658 tỷ đồng.
- Hỗ trợ huyện Đông Giang cải tạo, mở rộng phát triển đất sản xuất cấp cho đồng bào 2 khu tái định cư Pacheplanh và Cutchrin, tổng kinh phí 11,5 tỷ đồng.
- Hỗ trợ huyện Tây Giang mở rộng và phát triển khu tái định cư ALua, Kla, tổng kinh phí 12,5 tỷ đồng.
- Ngoài ra, Công ty cổ phần thủy điện A Vương đã hỗ trợ cho huyện Đông Giang 126 triệu đồng để đo đạc, lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và sở hữu nhà ở cho người dân tại 2 khu tái định cư PachePlanh và Cutchrin nhằm ổn định đời sống nhân dân và tránh tư tưởng cho rằng đây là nhà ở của Nhà nước, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nên không có trách nhiệm trong việc quản lý sử dụng, duy tu, bảo dưỡng.

Các hoạt động khác chăm lo đời sống của đồng bào các khu tái định cư được liệt kê ở Hộp 1.1.

Hộp 1.1: Các hoạt động chăm lo đời sống của đồng bào các khu tái định cư của Công ty cổ phần thủy điện A Vương (AVC)

Hàng năm AVC phối hợp với Đoàn thanh niên Khối các cơ quan TP Đà Nẵng tổ chức các đợt khám bệnh và phát thuốc miễn phí cho đồng bào ba khu tái định cư.

Các đợt mưa lũ năm 2009 ảnh hưởng lớn đến đời sống của đồng bào các khu tái định cư, Công ty đã tổ chức mua gạo, mắm, dầu, gia vị ... (với tổng giá trị 100 triệu đồng) và phân phát đến từng hộ gia đình giúp đồng bào vượt qua khó khăn trong thời gian này.

Công ty đã hỗ trợ tiền điện cho 3 khu tái định cư sử dụng trong năm 2006 khi chưa lắp đồng hồ riêng cho từng hộ, với số tiền 42,2 triệu đồng.

Năm 2009, trước tình trạng đơn vị bán lẻ điện địa phương cắt điện khu tái định cư A Lua do đồng bào không có khả năng chi trả và gây bức xúc trong dư luận, Công ty đã vận động cán bộ, công nhân viên giúp đồng bào khu tái định cư A Lua một nửa tiền điện đồng bào đã sử dụng từ 2007-2009, với số tiền hỗ trợ 25 triệu đồng.

Hỗ trợ 60 triệu đồng cho Trường phổ thông cơ sở Dang thuộc khu tái định cư A Lua khắc phục các thiệt hại sau các đợt mưa lũ vào tháng 10-11/2011 và CBCNV Công ty đóng góp

quần áo hỗ trợ học sinh để ổn định chỗ ở, học tập cho các cháu.

Hỗ trợ tiền điện sinh hoạt hằng tháng cho các hộ gia đình trong 3 khu tái định cư với mức hỗ trợ: mỗi hộ một tháng 5 chữ điện (5 KWh), thời gian hỗ trợ từ tháng 04/2013-12/2013.

Phân Xưởng Vận hành của Công ty và Trường phổ thông cơ sở xã Dang đã ký kết là hai đơn vị kết nghĩa, hằng năm thường tổ chức những đợt giao lưu, thăm hỏi tạo mối quan hệ tốt đẹp giữa Công ty và chính quyền địa phương xã Dang.

Công ty được UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt là đơn vị kết nghĩa với xã Mà Cooih, huyện Đông Giang tạo điều kiện để thực hiện các nội dung công việc kết nghĩa hằng năm.

4. Địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung vào các cộng đồng ở các khu tái định cư của thủy điện A Vương: ALua, xã Dang, huyện Tây Giang; và Pachepalanh và Cutchrin thuộc xã MaCooih, huyện Đông Giang. Ngoài ra, cộng đồng xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc được chọn làm cộng đồng khu vực hạ lưu, với lưu ý rằng đây không chỉ là khu vực hạ lưu của chỉ riêng thủy điện A Vương.

4.1. Khu tái định cư A Lua, xã Dang, huyện Tây Giang

Khu tái định cư A Lua do Ban quản lý dự án Thủy điện A Vương xây dựng gồm 69 ngôi nhà sàn bê-tông, trụ sở UBND xã Dang, khu nội trường tiểu học... theo thế "bậc thang" nằm sát mép bờ lòng hồ thủy điện. Tuy nhiên, do sạt lở, nhiều công trình đã sụt xuống lòng hồ thủy điện, khu tái định cư cho người dân bị bỏ hoang. Bằng các nguồn vốn từ Chương trình 30A, 135, 167 của Chính phủ cùng sự hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp... UBND huyện đã lập phương án di dời 115 hộ dân 2 khu tái định cư lòng hồ thủy điện Ka La, Ka Lua đến khu tái định cư mới thuộc 2 thôn Ka Tiếc và BaĐull, cách khu tái định cư cũ khoảng 6 km đường rừng.

Khu tái định cư mới được xây dựng toàn bộ cơ sở hạ tầng gồm đường giao thông, hệ thống thủy lợi, cấp nước sạch, đường điện lưới quốc gia, trung tâm UBND xã Dang với kinh phí hơn 20 tỷ đồng. Ở khu tái định cư cũ chỉ có 69 hộ, nhưng sau thời gian con em người dân xây dựng gia đình mới đã phát sinh lên 115 hộ dân, UBND huyện đã hỗ trợ cho mỗi hộ xây dựng một ngôi nhà mới trị giá hơn 100 triệu đồng, đồng thời khai hoang hơn 7 ha đất để người dân có thể sản xuất canh tác trồng cây lúa nước, đảm bảo ổn định đời sống. Đến cuối năm 2013, cơ bản đời sống người dân khu tái định cư A Lua đã đi vào ổn định¹ (Hình 1.4).

¹ Xem thêm: Hồng Thanh. 2014. Tái định cư thủy điện A Vương: Bài học về sự lãng phí. *Công an thành phố Đà Nẵng Online* ngày 03.09.2014. Truy cập: http://cadvn.com.vn/news/75_119664_ta-i-di-nh-cu-thu-y-die-n-a-vuong-ba-i-ho-c-ve-su-.aspx

Hình 1.4: Một góc khu tái định cư A Lua mới



4.2. Các khu tái định cư Pachepalanh và Cutchrun, xã Ma Cooih, huyện Đông Giang²

Cả hai khu tái định cư này hiện có 5 thôn, với 333 hộ dân, 1.345 nhân khẩu sinh sống. Trong những năm qua, lồng ghép từ các nguồn vốn, chính quyền địa phương đã tập trung đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường bê tông nông thôn đến từng cụm dân cư; hỗ trợ sửa chữa nâng cấp nhà ở cho người dân; sửa chữa công trình nước sinh hoạt (Hình 1.5).

Đặc biệt, để tạo điều kiện cho người dân phát triển sản xuất bền vững tại các khu tái định cư, từ các nguồn vốn đã hỗ trợ 18.000 cây mây nước, hơn 200.000 cây keo lai, gần 76.000 cây bời lời đỏ, 2.000 gốc chuối, hơn 3.000kg lúa giống... cùng các phương tiện sản xuất, phân bón. Cùng với diện tích đất sản xuất từ 1-2 sào mỗi hộ dân trước đây, đã hỗ trợ thêm gần 700 triệu đồng để các hộ khai hoang mở rộng sản xuất. Tổ chức giao khoán cho các nhóm hộ quản lý, bảo vệ rừng với diện tích gần 7.000ha/303 hộ dân, thu nhập bình quân mỗi hộ từ 4,5-5 triệu đồng mỗi năm. Nhà nước cũng hỗ trợ vốn cho người dân phát triển chăn nuôi, đến nay đàn gia súc, gia cầm đã đạt hơn 1.600 con. Nhìn chung, đời sống người dân có nhiều

² Thông tin của phần này chủ yếu từ: Hồng Thanh. 2016. 10 năm sống “không ổn” của dân tái định cư thủy điện A Vương. *Công an nhân dân Online* ngày 21.09.2016. Truy cập: <http://cand.com.vn/Phong-su-tu-lieu/10-nam-song-khong-on-cua-dan-tai-dinh-cu-thuy-dien-A-Vuong-408969/>

chuyển biến, nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn chiếm tới gần 48%, số hộ phát sinh ngày càng tăng, không có đất sản xuất, không có việc làm ổn định...

Khó khăn nhất hiện nay là thiếu đất sản xuất đối với các hộ dân mới phát sinh. Từ năm 2012 đến 2015, Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương hỗ trợ cho mỗi nhân khẩu bình quân 10kg gạo mỗi tháng, nhưng nay cắt, nhiều hộ dân lâm vào cảnh thiếu đói khi mùa màng thu hoạch chưa tới. Ban quản lý dự án đã không tính đến số hộ phát sinh mới, đến nay cả hai khu tái định cư thuộc dự án thủy điện A Vương ở xã Mà Cooih, đã phát sinh tới 126 hộ dân với hơn 400 nhân khẩu, không có đất ở, đất sản xuất, không có công ăn việc làm.

Hình 1.5: Một góc khu tái định cư Pachepalanh



4.3. Cộng đồng xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc³

Việc thay đổi chế độ dòng chảy trên sông Vu Gia đã gây nên những tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, đánh bắt thủy hải sản, vận chuyển đi lại trên sông, tác động đến nước sinh hoạt và tâm lý người dân. Theo nhận định của người dân nơi đây, việc xây dựng của các thủy điện ở thượng lưu sông Vu Gia là nguyên nhân chính làm thay đổi chế độ dòng chảy sông Vu Gia.

Các thủy điện ở thượng lưu sông Vu Gia đã làm thay đổi chế độ dòng chảy sông Vu Gia, đoạn chảy qua xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, dòng chảy kiệt xuất hiện sớm hơn (tháng 1 thay vì tháng 3) và đôi lúc xuất hiện trong mùa mưa và mực nước sông vào thời gian này thấp hơn rất nhiều so với trước đây (Hình 1.6). Về mùa lũ, diễn biến của lũ bất thường, lũ có thể xuất hiện trong mùa nắng và tốc độ dòng chảy mạnh, nước dâng nhanh. Bên cạnh thay đổi dòng chảy theo mùa, chế độ dòng chảy sông Vu Gia còn thay đổi theo ngày đêm, nước thường hạ từ 5h đến 17h, sau đó lại tăng. Những thay đổi này đã gây ra những tác động tiêu cực đến các hoạt động sinh kế người dân, như làm bồi lấp cát, sạn vào đồng ruộng dẫn đến chi phí đầu tư trong sản xuất nông nghiệp cao, hiệu quả kinh tế thấp; làm sản lượng đánh bắt cá giảm, một số loài cá biến mất nên nhiều hộ gia đình phải bỏ nghề đánh bắt cá truyền thống của mình; tàu thuyền không thể đi lại trên sông nên người dân không thể vận chuyển hàng hóa hay vận chuyển hành khách được. Bên cạnh đó, việc chế độ dòng chảy lũ thất thường còn ảnh hưởng đến tâm lý của người dân nơi đây vào mùa mưa lũ.

Hình 1.6: Nước sông cạn khô tại bến đò 14 trên sông Vu Gia, xã Đại Hồng



Nguồn: Trần Bá Quốc 2014

³ Thông tin của phần này chủ yếu trích từ: Trần Bá Quốc. 2014. Kết quả nghiên cứu tri thức bản địa về một số biến động môi trường và cuộc sống ở xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam do tác động của thủy điện. Trong *Thủy điện miền Trung, Tây Nguyên: Quan tâm của người dân và trách nhiệm của các bên liên quan*. Huế: Nhà xuất bản Thuận Hóa.

5. Tiếp cận nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu gồm 10 thành viên từ các tổ chức khác nhau như Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Xã hội (CSRĐ), Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật Quảng Nam, Công ty Cổ phần A Vương, Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện và xã, và đại diện cộng đồng bị ảnh hưởng bởi thủy điện (Hình 1.7). Thông qua quá trình làm việc với nhau, các thành viên nhóm, với đa dạng ngành học và kinh nghiệm thực tiễn, không chỉ được trao các cơ hội để hiểu rõ thêm các công cụ nghiên cứu sử dụng, mà còn điều hành một số phiên thảo luận nhóm, đề xuất các cải tiến để áp dụng phương pháp nghiên cứu hiệu quả vào thực tế địa phương.

Hình 1.7: Nhóm nghiên cứu



Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên sự áp dụng bộ 6 công cụ do Oxfam đề xuất trong *“Balancing the scales: Using gender impact assessment in hydropower development”* (Cân bằng tỉ lệ: Sử dụng đánh giá tác động giới trong phát triển thủy điện) (xem tóm tắt Phụ lục 2).

Ngoài một số phỏng vấn và trao đổi với lãnh đạo công ty thủy điện, lãnh đạo UBND huyện và xã cũng như nói chuyện phi chính thức với một số người dân, phương pháp nghiên cứu chủ yếu là thảo luận nhóm (xem Bảng 1.1.)

Bảng 1.1: Lịch nghiên cứu thực địa

Thời gian		Nghiên cứu và địa bàn
20/6/2018	Sáng	Họp nhóm nghiên cứu, trình bày các phương pháp, nội dung, yêu cầu nghiên cứu, lập kế hoạch
	Chiều	- Phỏng vấn UBND xã Dang - Thảo luận nhóm, cộng đồng
21/6/2018	Sáng	- Phỏng vấn UBND huyện Đông Giang - UBND xã MaCooih
	Chiều	- Phỏng vấn UBND huyện Tây Giang
22/6/2018	Sáng	Thảo luận nhóm, cộng đồng tái định cư Cutchrún
	Chiều	Thảo luận nhóm, cộng đồng tái định cư PaChePaLanh
23/6/2018	Cả ngày	Thảo luận nhóm, cộng đồng vùng hạ lưu Đại Hồng

Thảo luận nhóm bao gồm nhóm nam, nhóm nữ và nhóm cả nam và nữ ở 3 khu tái định cư và xã Đại Hồng (xem Hình 1.8). Kết quả báo cáo sẽ được cập nhật qua các hội thảo với các bên liên quan được tổ chức tại Tam Kỳ, Quảng Nam tháng 10/2018.

Hình 1.8: Một số hình ảnh về các cuộc thảo luận nhóm





6. Cấu trúc báo cáo

Báo cáo này được bố cục thành 4 chương chính. Sau Chương 1 về tổng quan nghiên cứu, Chương 2 và 3 trình bày các kết quả về đánh giá tác động giới ở các cộng đồng khu vực tái định cư và vùng hạ lưu. Chương 4 sẽ thảo luận thêm các kết quả nghiên cứu, đưa ra các kết luận chính và đề xuất.



CHƯƠNG 2: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG GIỚI TẠI CÁC CỘNG ĐỒNG TÁI ĐỊNH CƯ

1. Hồ sơ cộng đồng

Hoạt động sản xuất

Các hoạt động sản xuất và sinh kế chính của cộng đồng tái định cư A Lua dựa vào trồng trọt, lúa xen với sắn, mía, chuối, và trồng cây công nghiệp (keo và cao su). Mặc dù đất sản xuất cần cỗi hơn nhưng công việc có thể chia đều cho nam giới và nữ giới. Đối với trồng sắn, phụ nữ làm phần nhiều 80-90%. Hoạt động chăn nuôi gồm heo, gà, vịt chủ yếu do phụ nữ đảm nhận trong khi đó hoạt động chăn dắt như dê, bò, trâu thì cân bằng hơn giữa nam giới và nữ giới. Các hoạt động hái lượm nông sản phi gỗ như hái măng, bẻ mây chủ yếu do phụ nữ đảm nhận trong khi đó nam giới thực hiện các hoạt động săn bắt thú, đặt bẫy thú rừng, đánh bắt cá. Nhóm nữ chỉ ra hoạt động dệt thổ cẩm do 2-3 hộ đang thực hiện đều do phụ nữ làm. Ngoài ra, đan lát (gùi) do nam giới thực hiện.

Bảng 2.1: Phân tích phân công lao động trong hoạt động sản xuất của người dân khu TĐC A Lua

Nhóm nữ				
Các hoạt động sản xuất	Nữ giới	Nam giới	Địa điểm	Thời gian
Trồng trọt: lúa, sắn, mía, chuối cao su, keo, cây ăn quả	50% (nhổ cỏ, tỉa lúa, gùi) Trồng sắn do phụ nữ làm	50% (tỉa lúa, gùi)	Gần 1km, xa 5km thì đi xe, không có xe thì đi bộ	6 giờ sáng - 3 hoặc 4h giờ chiều về 5 tháng thì thu hoạch
Chăn nuôi: chủ yếu nuôi bò (Nhà nước hỗ trợ hộ nghèo) Ngoài ra có heo, gà, dê, trâu	90% nuôi heo gà vịt Nuôi dê 50%	10% nuôi bò, trâu Nuôi dê 50%	Heo gà vịt nuôi tại nhà Bò trâu thì khoanh vùng trong rẫy (khoảng 5km)	Hằng ngày hoặc 2- 3 ngày/ lần
Vào rừng bẻ măng (bẻ số lượng nhiều thì bán, số lượng ít thì để ăn), hái đốt, mây để bán hoặc đổi lấy gạo Bắt ốc cá	70% hái đốt, bẻ măng, hái mây 30%	30% 70%		Các tháng 1,2,3
Dệt thổ cẩm (2,3 hộ) nhưng chỉ bán trong làng Đan lát: gùi (20% hộ)	100 0%	0% 100%	Tại nhà	

Nhóm nam				
Các hoạt động sản xuất	Nữ giới	Nam giới	Địa điểm	Thời gian
Trồng trọt				
Trồng lúa rẫy (lúa mùa), trước đây trồng lúa ba trần	50% (trước tỉa, chăm sóc, thu hoạch)	50% (trước tỉa, chăm sóc, thu hoạch)	Ruộng cũ, cách nơi ở 10-12km Đất ở đây xấu: sỏi, cần cỏi	
Cây sắn	Làm chủ yếu: trồng, chăm sóc 80%	Làm bẫy, rãnh biên, canh giữ 20%	Gần	
Cây keo	50%	50%	Đất cũ, ở đây chính quyền không cho phát rừng già, cách nơi ở 10-12km	7 năm thì thu hoạch

Cao su	50%	Trồng, chăm sóc, đào hố 50%	Gần, xa nhất tầm 300-400m	Giá đang bấp bênh nên Công ty không cho thu hoạch
Chăn nuôi				
Nuôi bò	Kiểm thức ăn	Cho ăn, chăm sóc do địa điểm nuôi ở xa nơi ở trong khi đó phụ nữ không biết đi xe máy	Cách xa nơi ở cũ	Nam dành 2 giờ để cho bò ăn, nữ đi lấy thức ăn: 20-30 phút đi nhổ sắn hoặc cắt cỏ
Heo	Lấy thức ăn, cắt thức ăn, nấu, chăm sóc	Lấy thức ăn, chăm sóc		
Dê		Chủ yếu chăm sóc, đem dê đi thả nếu chồng đi vắng thì phụ nữ đi trông coi		
Hái măng	Chủ yếu là phụ nữ			Cả đi và về khoảng 2 giờ cộng thêm thời gian lấy măng, củi
Củi	gùi	vác		
Mua bán, trao đổi sản phẩm: bán bò				Hai vợ chồng thống nhất

Ở các khu tái định cư xã Ma Cooh, sinh kế địa phương tương đối lặp lại mô hình sản xuất trồng trọt và chăn nuôi của xã Dang. Tuy vậy, trong cả trồng lúa rẫy, lúa nước và trồng xen, phụ nữ vẫn đảm đương hầu hết khối lượng công việc (80-95%). Nấu rượu (vài hộ người Cơ Tu) và mở tạp hóa (2/3 hộ là người Kinh) cũng được nhắc đến như một nguồn sinh kế ở đây. Đáng chú ý, lao động làm thuê bắt đầu nở rộ, trong đó chủ yếu là nam giới, tham gia phụ hồ và lao động chân tay khác.

Hoạt động tái sản xuất

Ở khu tái định cư xã A Lua, thảo luận với nhóm nữ cho thấy rằng nữ giới đảm nhận phần lớn các hoạt động tái sản xuất bao gồm sinh con, nấu ăn cho gia đình, giặt quần áo, lấy nước, vệ sinh nhà cửa (90%). Trong khi nhóm nam cho biết việc chăm sóc cho trẻ nhỏ và người già trong gia đình đều do phụ nữ đảm nhận thì nhóm nữ khi thảo luận chia sẻ rằng công việc này được cả nam giới và nữ giới chia sẻ cùng nhau (50%).

Về các công việc chung của cộng đồng, thảo luận với nhóm nữ xã A Lua cho thấy nam giới và nữ giới chia sẻ các công việc như họp thôn và tham gia các hoạt động tâm linh/lễ hội của cộng đồng trong đó phụ nữ hỗ trợ việc dọn dẹp và mua sắm còn nam giới hỗ trợ bẫy thú, bắt cá và thực hiện các phong tục phục vụ cho các hoạt động cộng đồng. Nhóm nam cho rằng phụ nữ tham gia họp thôn nhiều hơn nam giới do đàn ông thường ngại tham gia vào các hoạt động này nhưng đối với tập huấn thì nam giới sẽ là người tham gia vì họ là chủ hộ. Nhóm nam và nhóm nữ đều khẳng định nam giới tham gia lao động công ích nhiều hơn nữ giới (60%). Về các cuộc họp phụ huynh cho con cái, nhóm nữ cho biết nam giới và phụ nữ đều đảm nhận tùy nhiên tùy điều kiện của mỗi hộ trong khi đó nhóm nam cho hay họ là người tham gia chủ yếu do các buổi họp thường tổ chức xa nhà.

Bảng 2.2: Phân tích hoạt động tái sản xuất của người dân khu TĐC xã A Lua

Nhóm nữ

Các hoạt động	Nữ giới	Nam giới	Địa điểm	Thời gian
Hoạt động tái sản xuất				
Sinh con	90%	10% (con sinh được 1 tháng mới chăm sóc)	Trạm y tế	Sinh 2 ngày sau đó về nhà
Chăm sóc trẻ nhỏ, người già	50% (nấu ăn)	50%		
Nấu ăn cho gia đình	90%	10% biết nấu nhưng không nấu		
Chăm sóc sức khỏe gia đình	50%	50%	Đau là đi trạm y tế	
Giặt áo quần, lấy nước, vệ sinh nhà cửa....	90% giặt quần áo (trừ đồ của chồng) lấy đồ ăn, kiểm rau, củ, nhổ sắn, quét dọn, rửa chén	10% tự giặt đồ, sửa chữa điện nước, đi nhậu		
Công việc chung của cộng đồng				
Những hoạt động quản lý cộng đồng	10% (chỉ 1 người)	90%	Tại làng	
Chính trị cộng đồng (họp thôn, lao động công ích)	50% (lao động)	50%	Nhà làng	10 lần/ năm
Tham gia những hoạt động định kỳ của làng				

Các hoạt động tâm linh/lễ hội của cộng đồng: lễ 8/3, 20/10, lễ Tết...	50% dọn dẹp, mua sắm	50% đi bẫy thú, bắt cá, kiểm tiền
Lao động công ích	40% quét dọn	60% sửa chữa
Giáo dục và các hoạt động khác		
Họp phụ huynh (phụ thuộc điều kiện từng hộ)	50%	50%
Tập huấn đào tạo trồng trọt (lần gần nhất cách 2 năm)	30%	70%

Nhóm nam

Các hoạt động	Nữ giới	Nam giới	Địa điểm	Thời gian
Hoạt động tái sản xuất				
Sinh con	100%			
Chăm sóc trẻ em, người già	Chủ yếu	Nếu vợ bận hoặc vắng nhà thì chồng chăm sóc		
Nấu ăn	70%	30%		
Giặt quần áo, lấy nước	Giặt quần áo	Lau nhà		
Hoạt động cộng đồng				
Giúp đỡ những người khó khăn trong thôn	Hỗ trợ nấu cơm	Nam giới đi xây nhà, khiêng gỗ, ván		
Họp thôn	Phụ nữ tham gia là chủ yếu	Ít tham gia, đàn ông ngại nên ít tham gia để phụ nữ tham gia		
Lễ làng	50%: nấu ăn, rửa chén, nhảy múa	50%: thực hiện các phong tục		
Tập huấn		Chủ yếu là nam giới vì chủ hộ		
Lao động công ích: đi làm sạch thôn, phát quang		Nam đi nhiều hơn vì nam là chủ lực		
Giáo dục và các hoạt động khác				

Họp phụ huynh

Nam giới tham gia vì các hoạt động tổ chức ở xa, phải đi xe máy.

2. Phân tích tác động

Kết quả thảo luận nhóm nam và nữ ở khu tái định cư xã Pachepalanh ghi nhận không có sự khác biệt nhiều về giới khi đánh giá tác động về môi trường. Tuy nhiên, mức tác động của dự án đối với vấn đề ô nhiễm đất, nước, không khí và tiếng ồn khá cao (mức 3 và 4). Dự án cũng tác động lớn đến đất canh tác, nguồn nước tưới tiêu, rừng và các tài nguyên rừng. So với các tác động về môi trường, tác động về xã hội của dự án thấp. Nhóm nam và nữ đều chia sẻ dự án có ảnh hưởng rất ít đến tình hình tệ nạn xã hội, di dân trong khu vực và tình trạng thất nghiệp ở cộng đồng (mức 1) nhưng ảnh hưởng lớn đến tình hình sức khỏe của người dân (mức 3 và 4). Tại cộng đồng, người dân cho hay ở địa phương xuất hiện những căn bệnh lạ so với trước đây, số lượng người dân nhiễm bệnh như thủy đậu, sởi, dạ dày, ung thư tăng cao so với trước đây.

Về tác động kinh tế, nhóm nữ cho biết dự án tác động rất ít đến nguồn thu nhập và chi tiêu của gia đình trong khi đó nhóm nam thông tin rằng nguồn thu nhập của gia đình họ bị ảnh hưởng lớn. Thu nhập hiện nay thấp hơn trước kia khá nhiều trong khi đó chi tiêu sinh hoạt trong gia đình lại cao.

Nhóm nam và nữ của khu tái định cư xã Pachepalanh cho hay dự án tác động lớn đến thay đổi về lương thực, thực phẩm, so với trước đây tự cung tự cấp về lương thực, thực phẩm thì bây giờ họ phải mua mọi thứ và tác động lớn đến hành vi tiêu dùng của người dân, họ phải chi tiêu nhiều hơn. Tác động về mở rộng mạng lưới và tiếp cận thông tin không được đánh giá cao trong thảo luận nhóm nam và nữ.

Bảng 2.3: Phân tích vấn đề tác động của người dân khu TĐC xã Pachepalanh

Ghi chú: 1: tác động rất ít, 2: tác động ít, 3: tác động trung bình, 4: tác động lớn, 5: tác động rất lớn

Nhóm nữ

Vấn đề/tác động	Bối cảnh			Hành động/giải pháp
	Nam giới	Nữ giới	Cộng đồng	
Môi trường				
a) Ô nhiễm				

Đất : cần cỗi, hẹp	4	4	4	Có cấp phân bón nhưng không cải tạo được
Nước: không có nước tưới tiêu	4	4	4	
Không khí: không mát mẻ như chỗ cũ	4	4	4	
Tiếng ồn: nhiều nhà hát karaoke nên ảnh hưởng xung quanh, đặc biệt là buổi trưa	3	4	4	
<i>b) Thay đổi về chất lượng, số lượng</i>				
Đất canh tác: xấu hơn, hẹp	4	4	4	
Nước: thiếu nước thủy lợi	4	4	4	Tiết kiệm nước
Rừng: bây giờ tài nguyên đang dần ít đi	4	4	4	Không chặt phá rừng bừa bãi
Nguồn lợi từ rừng: cạn kiệt dần, không còn đa dạng như trước	4	4	4	
Hệ sinh thái	2	2	2	
Xã hội				
Tệ nạn xã hội: không có	1	1	1	
Di dân: không có	1	1	1	
Thất nghiệp: vẫn có công việc để làm hàng ngày	1	1	1	
Bệnh tật: dạ dày, ung thư do ăn uống, xuất hiện những bệnh lạ so với trước đây	3	3	3	Chăm sóc sức khỏe, giữ vệ sinh chung
Học hành của trẻ: tỷ lệ học sinh đến trường đầy đủ ở mọi lứa tuổi, nhiều em học đến cao đẳng và đại học	1	1	1	
Kinh tế				
Nguồn thu nhập: Thu nhập ổn định	1	1	1	
Chi tiêu: Có 1 số nhà tiết kiệm được, 1 số nhà đủ trang trải trong gia đình	2	2	2	
Thị trường trao đổi: dễ dàng mua bán; ở làng cũ bán khó hơn nhưng nhiều sản phẩm; ở chỗ mới mua bán thuận tiện hơn nhưng ít sản phẩm và không đa dạng	1	1	1	

Tái nghèo: thực tế nghèo nhiều	3	4	3	Phụ nữ phải chịu áp lực cao hơn vì phải chăm lo cho cả gia đình
Khác				
Những thay đổi về lương thực/thực phẩm (LTTP) hàng ngày: trước đây tự cung tự cấp về LTTP nhưng bây giờ thứ gì cũng phải mua	4	4	4	
Thay đổi về hành vi tiêu dung: phải chi tiêu nhiều hơn, giá cả đắt hơn	4	4	4	
Phong tục tập quán: Giảm ngày cưới lại 3 ngày còn 1 ngày nghỉ, vui hơn và thoải mái hơn	3	3	3	
Thích ở đây hơn: có bếp, có nhà vệ sinh	2	2	2	
Mạng lưới xã hội: mở rộng hơn	1	2	2	
Tiếp cận thông tin: tốt hơn, dễ dàng liên lạc với nhau. Có sóng điện thoại, có ti vi	1	1	1	

Nhóm nam

Vấn đề/tác động	Bối cảnh			Hành động/giải pháp
	Nam giới	Nữ giới	Cộng đồng	
Môi trường				
<i>a) Ô nhiễm</i>				
Đất : xấu, hẹp	4	4	4	Có cấp phân bón nhưng ko cải tạo được. Diện tích nhỏ nên ko làm thủy lợi được
Nước: sinh hoạt có, ko có nước thủy lợi	4	4	4	

Không khí: nay khó chịu hơn, gà vịt bệnh nhiều	4	3	4	
Tiếng ồn: xe cộ, loa phóng thanh to nhiều, do gia đình mua karaoke	3	3	4	
<i>b) Thay đổi về chất lượng, số lượng</i>				
Đất canh tác: xấu hơn, hẹp, ít	4	4	4	
Nước: thiếu nước thủy lợi	4	4	4	Tiết kiệm nước
Rừng: ít tài nguyên, rừng già, sâu nên khó khai thác	3	4	4	Không phá rừng, trồng rừng
Nguồn lợi từ rừng: khan hiếm, ít phong phú hơn lúc trước	3	4	4	
Hệ sinh thái : chim muông, động vật ít hơn rất nhiều so với trước	2	2	2	
Xã hội				
Tệ nạn xã hội: không có	1	1	1	
Di dân: không có	1	1	1	
Thất nghiệp: ít đi làm xa, làm xung quanh trong vùng, nhưng ít thu nhập	1	1	1	
Bệnh tật: nhiều bệnh, thủy đậu, sởi, ung thư, số lượng người bệnh nhiều hơn	4	4	4	Giữ vệ sinh cộng đồng
Học hành của trẻ: học liên tục, đầy đủ, đại học cao đẳng, nghề	1	1	1	
Kinh tế				
Nguồn thu nhập: trước kia cao hơn, nay thấp hơn. 1 năm 3 hoặc 4 vụ rẫy, nay chỉ còn 1 vụ	4	4	4	
Chi tiêu: chi tiêu nhiều hơn trước, tất cả mọi thứ đều phải mua, (100k/ngày/hộ) trước đây tiêu rất ít	4	4	4	
Thị trường trao đổi, mua bán sản phẩm: Mua bán trao đổi, cả 2 giới đều giữ tiền, bán trong vùng, bán ở chợ, chuỗi ớt..	1	1	1	

Tái nghèo: thực tế nghèo nhiều (30/79 hộ nghèo)	3	3	3	
Khác				
Những thay đổi về lương thực/thực phẩm hàng ngày: trước đây rau cá thịt tự nhiên tự làm bây giờ toàn bộ đều phải mua	5	5	5	
Thay đổi về hành vi tiêu dùng	4	4	4	Tiết kiệm
Phong tục tập quán: trước đây nặng nề hơn	3	3	3	
Mạng lưới xã hội: mở rộng hơn	2	2	2	
Tiếp cận thông tin	1	2	2	

3. Phân tích nhu cầu, nâng cao vị thế phụ nữ

Thảo luận nhóm tại các xã khác nhau của khu tái định cư đã ghi nhận các nhu cầu thực tế và chiến lược khác nhau như trình bày ở bảng dưới đây:

Bảng 2.4: Nhu cầu của phụ nữ tại các xã khu tái định cư

Nhu cầu thực tế	Nhu cầu chiến lược
Trồng cây ốt A riêu (cung cấp giống, hỗ trợ kinh phí)	Đào tạo nghề dệt thổ cẩm (tại thôn)
Nuôi gà (người lớn tuổi); cung cấp con giống; hỗ trợ lưới để khoanh vùng nuôi gà, nuôi vịt; đầu tư chuồng trại; nuôi heo bản địa	Tập huấn kiến thức sức khỏe sinh sản cho chị em phụ nữ
Cấp giống để trồng cây bạch đàn; đầu tư giống keo	Tập huấn bình đẳng giới
Hỗ trợ máy quạt công nghiệp để không cần sấy bằng tay	Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt
Cấp giống quế, mít Thái để bán phục vụ du lịch	Dân đoàn kết
Vợ chồng bình đẳng	Tạo công bằng trong các quyết định về đất đai, tài sản
Tạo đầu ra ổn định những sản phẩm mà người dân trồng	Chưa có bảo hiểm đầy đủ (mới chỉ có hộ nghèo và cận nghèo có bảo hiểm)
Thủy điện A Vương hỗ trợ kinh phí trả nợ ngân hàng	



CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG GIỚI TẠI CỘNG ĐỒNG VÙNG HẠ LƯU

1. Hồ sơ cộng đồng

Cộng đồng người dân hai thôn Đông Phước và Dục Tịnh thuộc xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam sống dọc sông Vu Gia, thuộc hạ lưu các thủy điện Đăk Mi 4, Sông Bung và A Vương.

Thực trạng những tác động của thủy điện đến cộng đồng dân cư và tác động đến giới từ khi có thủy điện đến nay như sau:

Về sản xuất nông nghiệp. Các cây trồng chính trong năm gồm có lúa, ngô, lạc, đậu xanh, ớt, mè, dưa hấu và cây sắn. Toàn xã có gần 500 ha đất sản xuất nông nghiệp trong đó lúa 50 ha, còn lại là các cây màu 450 ha nằm dọc sông Vu Gia. Do ảnh hưởng xả lũ vào mùa mưa làm tăng tốc độ dòng chảy, và đóng nước vào mùa nắng của các thủy điện, đã làm cho đất sản xuất bị biến dạng. Có hơn 20 ha đất bị xói lở cuốn trôi. Khoảng 150 ha bị bồi cát chủ yếu trên đất màu. Do đất xấu đi, cây trồng năng suất và chất lượng thấp hơn so với trước khi có thủy điện. Do đó, nam giới ít tham gia vào làm nông, trồng trọt mà chuyển qua đi phụ hồ, khai thác keo, làm công nhân v.v. Do vậy phụ nữ phải gánh vác phần lớn công việc nông nghiệp (70%). Về chăn nuôi, bình quân mỗi hộ có 2 con bò, 305 con heo, công việc chủ yếu là do nữ chăm sóc (hơn 80%).

Kết quả thảo luận với nhóm nam và nữ xã Đại Hồng cho thấy rằng các hoạt động trồng trọt (bắp, đậu phụng, đậu ván, dưa hấu, ớt, mè, bí đỏ...), chăn nuôi (bò, heo, gà...) và mua bán trao đổi các sản phẩm nông sản là những hoạt động sản xuất chính của người dân nơi đây. Đa số công việc trồng trọt do phụ nữ đảm nhận chính (khoảng 70%), khoảng 60% khối lượng công việc chăn nuôi do phụ nữ làm dù vậy khi mua bán/trao đổi các sản phẩm nông nghiệp này thì sự tham gia của nam giới và nữ giới là cân bằng. Trong khi đó, thảo luận với nhóm

nam riêng lại khẳng định rằng sự tham gia của nam giới và nữ giới trong tất cả hoạt động nói trên đều là 50%-50%.

Nhóm nam còn chỉ ra rằng hoạt động đánh bắt, di thuyền vận chuyển hàng hóa là do họ đảm nhận chính, 80% công việc. Việc đánh bắt và di thuyền chỉ diễn ra trước khi có thủy điện. Ở xã có 1 hợp tác xã về tàu thuyền, và chuyên chở hàng hóa lên Thạnh Mỹ, Phước Sơn. Tuy nhiên từ khi có các công trình thủy điện như A Vương, Sông Bung, Đăk Mi thì dòng sông bị cạn, không có nước nên thuyền không thể đi lại được. Mặt khác, người dân chuyển sang di chuyển bằng đường bộ nhiều hơn. Hoạt động đánh bắt cá vì thế cũng bị ảnh hưởng, sản lượng các loài cá tôm bị sụt giảm mạnh, những người chuyên nghề đánh bắt phải nghỉ để đi làm thuê.

Nam giới cũng cho rằng chỉ có họ đảm nhận việc thu gom lâm sản ngoài gỗ như lấy uoi, mật ong, mây ở trên Phước Sơn, Đông Giang, Đăk Mi. Ngoài các hoạt động trên, làm công nhân cho các nhà máy và công ty cũng bắt đầu trở nên phổ biến đối với người dân khi có đến 90% nam giới tham gia công việc này.

Do thủy điện đóng, nước sông khô, hồ cạn nên cá tôm không còn bao nhiêu do vậy các hộ ngư dân thất nghiệp phải dọn lên bờ ở. Hai thôn có 25 hộ ngư dân và 5 hộ chạy phà máy đều ngưng hoạt động do sông cạn. Một số hộ chủ yếu là nữ, 60%, còn làm nghề nhưng thu nhập không đủ sống, cá tôm thu được trong ngày chỉ bán được từ 50.000đ đến 100.000đ. Về hoạt động tái sản xuất như chăm sóc trẻ nhỏ, người già, nấu ăn cho gia đình, giặt quần áo, lấy nước, vệ sinh nhà cửa...thì đều do phụ nữ đảm nhận chính (80%). Thảo luận nhóm nam riêng cũng khẳng định lại vai trò chính của phụ nữ trong các công việc này (90-100%). Riêng việc quyết định sinh con, nam giới khẳng định có sự thảo luận và đồng thuận giữa nam và nữ. Về việc chăm sóc sức khỏe gia đình, nhóm nữ cho rằng có sự tham gia đồng đều của nam và nữ trong công việc này dù vậy nhóm nam cho rằng sự tham gia của nữ giới là trọng yếu (90%).

Về các công việc chung của cộng đồng, kết quả thảo luận nhóm nam và nữ đều cho thấy rằng nam giới chủ yếu đảm nhận các hoạt động quản lý cộng đồng, đóng vai trò chủ chốt trong ban lãnh đạo thôn (70-80%) trong khi đó phụ nữ chỉ tham gia ở hội phụ nữ và các hoạt động chăm sóc bà mẹ trẻ em. Do việc sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng cho nên nam giới thường đi làm ăn xa ở nơi khác. Thường thì sinh hoạt họp hội, nữ cũng tham gia nhiều hơn từ 60% trở lên. Về công tác chính trị cộng đồng như họp thôn, nhóm nữ cho biết cả nam giới và nữ giới đều tham gia đồng đều công việc này. Tuy nhiên thảo luận với nhóm nam cho thấy rằng 70% buổi họp thôn đều do phụ nữ tham gia, lúc nào có việc quan trọng thì đàn ông mới tham gia nhiều do nam giới có sự hiểu biết rộng hơn, có tính quyết định hơn trong những công việc quan trọng. Các hoạt động tâm linh/lễ hội của cộng đồng như cúng làng (1

năm/lần) thì nam giới khẳng định rằng nam giới và nữ giới tham gia đồng đều tuy vậy nữ giới cho rằng nam giới đóng vai trò tham gia chính trong các hoạt động tâm linh này (70%).

Các hoạt động như đào tạo, tập huấn và họp phụ huynh do nữ giới tham gia là chủ yếu (60%) tuy vậy nhóm nam cho rằng sự tham gia của họ trong các hoạt động này là cân bằng với nữ giới.

Bảng 3.1: Phân tích phân công lao động trong hoạt động sản xuất của người dân xã Đại Hồng

Nhóm nữ

Các hoạt động	Nữ giới	Nam giới	Địa điểm	Thời gian
Hoạt động sản xuất				
Trồng trọt: bắp, đậu phụng, đậu ván, dưa hấu, ớt, mè, bí đỏ	70% Làm thời gian dài hơn, chăm sóc, thu hoạch	30% (làm đất, gieo)	Đất cằn	Mùa đông 6-7h sáng đến 5h30 chiều Mùa hè: 4-5h
Chăn nuôi: bò, heo, gà	60% Heo: nữ	40% Bò: nam		
Nam làm công ty, nữ làm cá, làm công nhân	10%	90%		
Mua, bán/trao đổi các sản phẩm (nông sản)	50%	50%		
Hoạt động tái sản xuất				
Sinh con				
Chăm sóc trẻ nhỏ, người già	80%	20%		
Nấu ăn cho gia đình	80%	20%		
Chăm sóc sức khỏe gia đình	50%	50%		
Giặt áo quần, lấy nước, vệ sinh nhà cửa....	80%	20%		
Công việc chung của cộng đồng				
Những hoạt động quản lý cộng đồng	30%	70%		

Chính trị cộng đồng (họp thôn, lao động công ích)	Họp thôn: 50%	50%
Tham gia những hoạt động định kỳ của làng		
Các hoạt động tâm linh/lễ hội của cộng đồng: cúng làng 1 lần/ năm vào 25 tháng chạp	30%	70%
Lao động công ích		
Giáo dục và các hoạt động khác		
Đào tạo, tập huấn, họp phụ huynh	Họp phụ huynh: 60%	40%
Chăn nuôi: bò, heo, gà	60%	40%
	Heo: nữ	Bò: nam

Nhóm nam

Các hoạt động	Nữ giới	Nam giới	Địa điểm	Thời gian
Hoạt động sản xuất				
Trồng trọt đậu phụng (đông xuân), bắp (xuân hè), đậu xanh (xuân hè), dưa hấu, ớt, thuốc lá	50%	50%	Gần nhà, ngay trong khu vực 2 thôn Đông Phước và Dục Tịnh, xã Đại Hồng. Đường đi lại thuận lợi	Vụ đông xuân và hè thu
Chăn nuôi bò (chăn nuôi chính), heo và gà	50%	50%	Quanh khu vực 2 thôn hoặc các thôn lân cận trong xã	Quanh năm
Đánh bắt, đi thuyền vận chuyển hàng hóa	20%	80%		Việc đánh bắt và đi thuyền chỉ diễn ra trước khi có thủy điện.
Lâm sản ngoài gỗ: Có 1 số người trong thôn đi lấy Uoi, mật ong, mây ở trên Phước Sơn, Đông Giang, Dak Mi		100%	Xa, thường là ở các huyện miền núi như Phước Sơn, Đông Giang	Mùa khô
Mua bán, trao đổi hàng hóa, sản phẩm nông sản	50	50	Có thương lái tới thu	Sau khi thu hoạch thì có

	mua tại nhà		người đến thu mua (đậu xanh, ớt, bắp)	
Hoạt động tái sản xuất				
Sinh con: 2 vợ chồng cùng thảo luận	50%	50%		
Chăm sóc trẻ nhỏ, người già	90%	10%		
Nấu ăn cho gia đình	100%	Chỉ làm khi không có vợ ở nhà		
Chăm sóc sức khỏe gia đình	90%	10%		
Giặt áo quần, lấy nước, vệ sinh nhà cửa....	90%	10%		
Công việc chung của cộng đồng				
Những hoạt động quản lý cộng đồng	20%	80%		
	Chỉ tham gia ở Hội phụ nữ, chăm sóc bà mẹ trẻ em	Đóng vai trò chủ chốt trong ban lãnh đạo thôn		
Chính trị cộng đồng (họp thôn, lao động công ích)	70%	30%	Nhà văn hóa thôn	Lúc nào có thông báo thì đi họp, có tháng họp 1 lần có những tháng họp 2-3 lần
Tham gia những hoạt động định kỳ của làng	50%	50%	Nhà văn hóa thôn	Theo định kỳ
Các hoạt động tâm linh/lễ hội của cộng đồng	50%	50%		Phân công công việc theo vai trò
Lao động công ích: dọn vệ sinh, giúp hộ nghèo	50%	50%		Tham gia theo phong trào
Giáo dục và các hoạt động khác				
Đào tạo, tập huấn, họp phụ huynh	50%	50%		Chia nhau để tham gia, tùy theo thời gian rảnh của mỗi người

Tài sản đất đai, nhà cửa, xe cộ, v.v. những tài sản lớn thì nam giới chủ hộ đứng tên khoảng 80%, nữ giới 20%. Tiền bạc thì nữ giới giữ là chủ yếu hơn 80%. Đối với việc sử dụng các nguồn lực trong cộng đồng hoặc gia đình như đất sản xuất, nhân lực, tàu và các dụng cụ đánh bắt cá, tài sản hộ gia đình, các trang thiết bị trong gia đình, chăm sóc sức khỏe, nhóm nữ cho rằng nam giới và nữ giới sử dụng bằng nhau. Tuy vậy, các nguồn lực như đất sản xuất, tàu và các dụng cụ đánh bắt cá, và tài sản và trang thiết bị hộ gia đình thì vẫn do nam giới kiểm soát chính (60-90%). Thảo luận với nhóm nam cho thấy rằng việc sử dụng các nguồn lực như tàu và các dụng cụ đánh bắt cá, tài sản hộ gia đình và các trang thiết bị gia đình chủ yếu do nam giới (70-80%). 100% nam giới kiểm soát các nguồn lực như tài sản hộ gia đình và các trang thiết bị. Nam giới giải thích rằng do trình độ văn hoá của phụ nữ thấp hơn nên vai trò đàn ông vẫn là chính, trừ những trường hợp người đàn ông không có năng lực kinh tế thì người phụ nữ phải đứng ra là trụ cột gia đình, có quyền quyết định các tài sản quan trọng trong gia đình. Đối với các nguồn tài nguyên chung của cộng đồng như đất cộng đồng, các vùng đất ven sông thì nhóm nữ không đánh giá trong khi đó nhóm nam cho rằng họ sử dụng và kiểm soát các nguồn tài nguyên này (100%).

Đối với nguồn thu nhập từ việc sử dụng các nguồn tài nguyên như thu nhập từ nông sản, lâm sản phi gỗ, trồng rừng, bán cá và thủy hải sản, các sản phẩm thu hoạch, sở hữu và sử dụng tài sản đất và rừng, nhóm nữ cho biết cả nam và nữ đều sử dụng đồng đều các nguồn thu này. Thế nhưng, khi thảo luận với nhóm nam, họ cho rằng nữ giới sử dụng nhiều hơn nguồn thu nhập từ việc bán các nông sản (70%) cho các khoản chi tiêu hàng ngày. Nhóm nữ cho biết nữ giới kiểm soát các nguồn thu từ nông sản, bán cá và thủy hải sản hoàn toàn (100%) tuy nhiên nam giới cho rằng vai trò kiểm soát của nữ và nam đối với các nguồn thu này là bằng nhau. Chỉ duy nhất đối với các lợi ích từ quyền sở hữu và sử dụng tài sản như đất, rừng thì kết quả thảo luận của cả nhóm nam và nữ đều cho thấy rằng nam giới kiểm soát nguồn thu này (90-100%).

Bảng 3.2: Phân tích sử dụng và kiểm soát tài nguyên của người dân tại xã Đại Hồng

Nhóm nữ

Hồ sơ sử dụng và kiểm soát tài nguyên				
	Sử dụng tài nguyên		Kiểm soát tài nguyên	
	Nữ	Nam	Nữ	Nam
Các nguồn lực trong cộng đồng hoặc trong gia đình				
Đất sản xuất	50%	50%	20%	80%
Nhân lực	50%	50%	50%	50%

Tàu và các dụng cụ đánh bắt cá	50%	50%	10%	90%
Tài sản hộ gia đình: thiết bị, công nghệ, công cụ sản xuất, Các trang thiết bị trong gia đình: xe máy, TV, tủ lạnh...	50%	50%	40%	60%
Tài sản của con người: chăm sóc sức khỏe	50%	50%	50%	
Sử dụng và tiếp cận nguồn tài nguyên chung: + Rừng: rừng tự nhiên, rừng trồng Các vùng đất bỏ hóa Đất công cộng (đất chung cộng đồng) Các vùng đất ven sông suối + Bờ sông + Vùng đất ngập nước + Đất công (đất của cả làng)				
Các lợi ích từ việc sử dụng nguồn tài nguyên				
Thu nhập từ việc bán các nông sản, lâm sản phi gỗ, gỗ Thu nhập từ rừng trồng	Hàng ngày 50%	Mua sắm lớn 50%	100%	0%
Thu nhập từ việc bán cá và các động vật thủy hải sản khác	50%	50%	100%	0%
Thu nhập từ các sản phẩm thu hoạch	50%	50%	100%	0%
Quyền sở hữu tài sản (đất, rừng) Quyền sử dụng đất, rừng	50%	50%	10%	90%

Nhóm nam

Hồ sơ sử dụng và kiểm soát tài nguyên				
	Sử dụng tài nguyên		Kiểm soát tài nguyên	
	Nữ	Nam	Nữ	Nam
Các nguồn lực trong cộng đồng hoặc trong gia đình				
Đất sản xuất : có thảo luận nhưng người quyết định vẫn là nam giới, ai nắm kinh tế	50%	50%	40%	60%

thì người đó có quyền				
Nhân lực: sử dụng tùy theo điều kiện gia đình (Nếu người phụ nữ có vị trí xã hội, vai trò của họ sẽ cao hơn, hoặc họ có quyền lực kinh tế cao thì tiếng nói họ sẽ cao hơn)	50%	50%	50%	50%
Tàu và các dụng cụ đánh bắt cá	30%	70%	30%	70%
Tài sản hộ gia đình: thiết bị, công nghệ, công cụ sản xuất,	20%	80%		100%
Các trang thiết bị trong gia đình: xe máy, TV, tủ lạnh...	30%	70%		100%
Tài sản của con người: chăm sóc sức khỏe	100%		Chăm sóc sức khỏe chung cho cả gia đình nên là người có kiến thức	
Sử dụng và tiếp cận nguồn tài nguyên chung:		100%		100%
Đất công cộng (đất chung cộng đồng) Các vùng đất ven sông suối + Bờ sông + Vùng đất ngập nước + Đất công (đất của cả làng)				
Các lợi ích từ việc sử dụng nguồn tài nguyên				
Thu nhập từ việc bán các nông sản	70%	30%	50%	50%
Thu nhập từ việc bán cá và các động vật thủy hải sản khác	50%	50%	50%	50%
Quyền sở hữu tài sản (đất)	50%	50%	0%	100%
Quyền sử dụng đất				

Về nguồn vốn sản xuất thì hộ nghèo vay ở ngân hàng Chính sách Xã hội, hộ bình thường vay ở ngân hàng Nông nghiệp. Đa số đi vay thì nam giới chuẩn bị giấy tờ và nhận tiền. Các dịch vụ về vốn chủ yếu do ngân hàng chính sách xã hội và ngân hàng nông nghiệp cấp vốn và đều có tác động cân bằng đối với nam giới và nữ giới trong cộng đồng tuy nhiên nhóm nam cho rằng tác động nguồn vốn đối với nam giới lớn hơn (60%). Về các dịch vụ y tế như cấp thẻ bảo hiểm y tế, khám đo mắt, nhóm nam và nữ đều ghi nhận tác động y tế đồng đều đối với cả nam giới lẫn nữ giới. Về giáo dục, Đại Hồng là một trong những xã đi đầu trong việc hỗ trợ trẻ em nghèo khó khăn và vận động thành công xây dựng nhà cho những trường hợp khó khăn. Đối với hoạt động khuyến nông, nhóm nữ không cung cấp đánh giá tuy vậy nhóm nam

cho biết rằng trung tâm giáo dục cộng đồng thỉnh thoảng có tổ chức tập huấn các kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và tác động của hoạt động này đến nam giới và nữ giới là như nhau.

Bảng 3.3: Phân tích tác động các dịch vụ đối với người dân xã Đại Hồng

Nhóm nữ

Các dịch vụ	Tổ chức thực hiện và chính sách liên quan	Tác động		
		Nam	Nữ	Cộng đồng
Vốn	Agribank Ngân hàng Chính sách Xã hội	50%	50%	Cán bộ thôn hướng dẫn
Kinh tế	Không có			
Y tế	Cấp thẻ BHYT/ khám mắt do tỉnh huyện	50%	50%	
Giáo dục	Phát cặp phao cho học sinh			
Khuyến nông	Không có			

Nhóm nam

Các dịch vụ	Tổ chức thực hiện và chính sách liên quan	Tác động		
		Nam	Nữ	Cộng đồng
Vốn do cả 2 vợ chồng cùng đứng tên vay	Ngân hàng chính sách xã hội, Agribank, BIDV...	60%	40%	
Kinh tế: hiện nay không có chương trình hỗ trợ kinh tế nào cho cộng đồng ở đây				
Y tế: chính sách y tế 80%		50%	50%	Các hộ nghèo và cận nghèo thì được cấp miễn phí
Giáo dục	Hội khuyến học của địa phương và quỹ khuyến học gia tộc			Hỗ trợ trẻ em nghèo khó khăn

2. Phân tích tác động

Về tác động của quá trình xây dựng nhà máy thủy điện đối với môi trường, kết quả thảo luận với nhóm nam và nhóm nữ đều cho thấy không có sự khác biệt về giới đối với các tác động dự án về ô nhiễm môi trường và thay đổi về chất lượng, số lượng đất canh tác, nước, rừng, hệ sinh thái... Thảo luận nhóm nam và nữ đều cho rằng đất canh tác của các hộ gia đình hiện nay bị thu hẹp, cằn cỗi do thiếu phù sa và sử dụng phân hóa học nhiều, bị sạt lở và bị bồi cát lớn ảnh hưởng đến việc sản xuất. Nhiều người dân buộc phải bỏ hoang ruộng do không thể canh tác được hoặc chuyển sang canh tác các loại hoa màu khác nhưng năng suất thấp. Đất bị bồi cát của 2 thôn khoảng 50 ha ảnh hưởng 138 hộ sản xuất. Đất bị sạt lở cuốn trôi 0,5ha ảnh hưởng 71 hộ phải di dời. Sông cạn kiệt có 25 hộ ngư dân và 5 hộ chạy phà phải thất nghiệp. Năng suất và chất lượng cây trồng trên đất bồi cát giảm đến 90%. Nếu cố gắng đầu tư sản xuất thì chi phí phải tăng lên mỗi sào từ 500.000đ đến 1 triệu đồng để mua phân, giống, đóng giếng, mua máy bơm dẫn nước để tưới cây trồng. Sản phẩm làm ra bán giá trị không cao do chất lượng kém vì phải gieo trồng trên đất cát. Nguồn nước bị ô nhiễm nghiêm trọng và cạn kiệt vào mùa khô. Nước giếng, nước sông đều bị hút cạn từ 1-2 m không đủ nước để sinh hoạt và sản xuất. Hiện tại người dân cũng chưa có giải pháp gì để ổn định cuộc sống, chỉ đi làm thuê.

Về những thiệt hại có sự tác động của thủy điện gần đây bao gồm:

- Năm 2009 Công ty A Vương xả lũ, đỉnh lũ cao nhất từ trước đến nay đã làm cho hoa màu, vườn tược, cây ăn quả, gia súc, gia cầm thiệt hại. Đất bị bồi lấp cát và sạt lở. Thiệt hại ước tính toàn xã khoảng 7 tỷ đồng.
- Năm 2013 Đăk Mi 4 xả lũ không thông báo làm cho người dân hoang mang chạy loạn tương tự đập ảnh hưởng đến tinh thần và sinh ra bệnh tật. Thiệt hại trên cây trồng, vật nuôi, các hệ thống giao thông nội đồng, kênh mương hư sụp, ước tính 500 triệu đồng.
- Tháng 12 năm 2017 sau khi người dân đã gieo trồng hơn 450ha đất màu, cây trồng đã phát triển. Lũ muộn cộng với việc xả lũ của các thủy điện làm cho toàn bộ 450 ha gieo trồng bị ngập 100%. Số bị bào mòn, số bị cát bồi, cây trồng chết 95%, thiệt hại ước tính khoảng 6 tỷ đồng. Nhà nước có hỗ trợ mỗi sào 250.000 đồng để tái sản xuất.

So với các tác động đến môi trường, các tác động về xã hội như tệ nạn xã hội, di dân, thất nghiệp và giáo dục của trẻ em có phần thấp hơn trong đánh giá của cả nam giới và nữ giới. Nhóm nam cho rằng dự án tác động gây nên tình trạng thất nghiệp đối với nam giới, đặc biệt đối với những người trước đây đi thuyền hoặc đánh bắt cao hơn so với nữ giới. Nhóm nữ cho biết kết quả đánh giá ngược lại khi phụ nữ bị ảnh hưởng nhiều bởi tình trạng thất nghiệp (mức đánh giá 4). Về bệnh tật do ảnh hưởng ô nhiễm và học hành của trẻ em, nhóm nam đánh giá tác động của dự án khá thấp tuy vậy nhóm nữ cho rằng tác động của dự án đối với bệnh tật và việc đến trường của trẻ là cao.

Đối với tác động của dự án đối với kinh tế của người dân và cộng đồng, kết quả thảo luận nhóm nam và nhóm nữ ghi nhận không có sự khác biệt giữa nam và nữ khi đánh giá chỉ tiêu này. Khác biệt duy nhất đó là đối với nhóm nữ, tác động của dự án đối với nguồn thu thập, chi tiêu, thị trường lao động, mua bán sản phẩm và tái nghèo là cao (mức đánh giá 3-4) khi mà năng suất thu nhập của họ giảm đáng kể và gặp khó khăn khi mua bán, trao đổi sản phẩm do thương lái ép giá, thị trường nhỏ lẻ và có khả năng tái nghèo nếu như hoạt động trồng trọt và chăn nuôi không đem lại năng suất cao. Trong khi đó đối với nhóm nam, tác động của dự án đối với các tiêu chí này lại tương đối thấp (mức đánh giá 1-2).

Nhóm nam và nữ đồng ý rằng dự án có tác động tích cực trong việc phát triển mạng lưới xã hội và tăng cường hoạt động tiếp cận thông tin (mức đánh giá 3-4). Nhóm nữ cho biết dự án cũng góp phần thay đổi hành vi tiêu dùng tiết kiệm hơn.

Bảng 3.4: Phân tích vấn đề tác động của dự án đối với người dân xã Địa Hồng

Ghi chú: 1: tác động rất ít, 2: tác động ít, 3: tác động trung bình, 4: tác động lớn, 5: tác động rất lớn

Nhóm nữ

Khung phân tích vấn đề tác động				
Vấn đề/tác động	Bối cảnh			Hành động/giải pháp
	Nam giới	Nữ giới	Cộng đồng	
Môi trường				
<i>a) Ô nhiễm</i>				
Đất: cằn cỗi	4	4	4	Xả lũ liên tục nên lo lắng
Nước: thiếu, phèn, nhiễm thuốc hóa học	4	4	4	Sử dụng nước tự chảy
Không khí: nóng nực, nhiều bụi	4	4	5	
Tiếng ồn	1	1	1	
<i>b) Thay đổi về chất lượng, số lượng</i>				
Đất canh tác: cằn cỗi, giảm, thu hẹp lại, sạt lở, bị bồi lấp hết 30% diện tích so với trước	4	4	4	Có chuông hoặc còi báo động khi xả lũ để dân được biết
Nước: cạn kiệt vào mùa hè	4	4	4	

Hệ sinh thái: nắng nhiều mưa ít, trước đây có bắt cá, bây giờ mất hết, sông cạn vào mùa hè nhưng xả nước thì quá lớn	5	4	5	
Xã hội				
Tệ nạn xã hội: có đầy đủ tệ nạn	2	1	2	
Di dân: thế hệ sau có điều kiện là di dân	3	3	3	
Thất nghiệp	2	4	3	Đi làm thuê
Bệnh tật nhiều do ảnh hưởng ô nhiễm	4	4	4	
Học hành của trẻ em: mùa lũ bỏ học	3	3	3	
Kinh tế				
Nguồn thu nhập: giảm năng suất, giảm thu nhập	4	4	4	
Chi tiêu: ít hơn	3	3	3	Tiết kiệm chi tiêu
Thị trường trao đổi, mua bán sản phẩm: thương lái ép giá, thị trường nhỏ chỉ bán cho vài người thương lái/ đầu ra sản phẩm vẫn ít	4	4	4	
Tái nghèo	3	3	3	
Khác				
Những thay đổi về lương thực/thực phẩm hàng ngày: số lượng thức ăn giảm, cắt hết	3	3	3	
Thay đổi về hành vi tiêu dùng: tiết kiệm hơn	3	4	4	
Phong tục tập quán: hạn chế (3 năm 1 lần)	3	3	3	
Mạng lưới xã hội: rộng hơn	4	4	4	
Tiếp cận thông tin: tốt hơn, nhiều kênh hơn	4	3	3	

Nhóm nam

Khung phân tích vấn đề tác động				
Vấn đề/tác động	Bối cảnh			Hành động/giải pháp
	Nam giới	Nữ giới	Cộng đồng	
Môi trường				
<i>a) Ô nhiễm:</i>				
Đất: Sự thay đổi chất lượng và số lượng đất canh tác	4	4	4	Tăng chi phí bón phân lên tuy nhiên cũng không cải thiện đáng kể. Đầu tư cao nhưng sản lượng thấp.
Nước: ô nhiễm và cạn kiệt	2	2	2	Đi kiếm nước xa để lấy nước, đến chỗ giếng có nước để lấy nước sinh hoạt
Lũ lụt	4	4	4	Có hệ thống loa cảnh báo lũ
<i>b) Thay đổi về chất lượng, số lượng</i>				
Đất canh tác: bị thu hẹp, ít phù sa, và bị cát bồi lấp mạnh, bị sạt lở Đất lở - đất thổ cư bán không ai mua, nhưng đi mua chỗ khác thì giá đất cao hơn, nhiều hộ không có tiền để mua nhưng họ vẫn ở chỗ cũ.	4	4	4	Chưa có biện pháp khắc phục vì cát bồi quá dày
Nước ít, thiếu nước cho sản xuất, không đủ phục vụ tưới tiêu	3	3	3	Dùng tiết kiệm, đào giếng khoan, đi lấy nước sinh hoạt ở các vùng lân cận
Hệ sinh thái: ít hơn so với trước	3	4	3	Hạn chế săn bắt thú rừng, đặc biệt là người Kinh
Xã hội				
Tệ nạn xã hội: không có	1	1	1	
Di dân: không	1	1	1	
Thất nghiệp: đặc biệt đối với những người trước đây đi thuyền hoặc làm nghề đánh bắt	4	2	3	Đi làm thuê
Bệnh tật: ít	1	1	1	

Học hành của trẻ em	1	1	1
Kinh tế			
Nguồn thu nhập: có giảm so với trước đây	1	1	1
Chi tiêu: mua sắm những khoản cần thiết phục vụ sản xuất và gia đình	1	1	1
Thị trường trao đổi, mua bán sản phẩm: thuận lợi, tuy nhiên có những năm bị thương lái ép giá nên nông sản giá thấp, thu nhập ít	2	2	2
Tái nghèo	1	1	1
Khác			
Những thay đổi về lương thực/thực phẩm hàng ngày	2	2	2
Thay đổi về hành vi tiêu dung	2	2	2
Phong tục tập quán	1	1	1
Mạng lưới xã hội: mở rộng hơn, dễ dàng tiếp cận	4	4	4
Tiếp cận thông tin: liên lạc thuận lợi, cập nhật được nhiều thông tin	4	4	4

3. Phân tích nhu cầu, nâng cao vị thế phụ nữ

Đề nghị nhà nước hỗ trợ vốn, giống, phân ở các vùng bị bồi cát để người dân cải tạo đồng ruộng ổn định sản xuất.

Đề nghị nhà nước cho vay với lãi suất thấp hoặc không lãi suất để các đối tượng bị ảnh hưởng có điều kiện phát triển sản xuất ổn định cuộc sống.

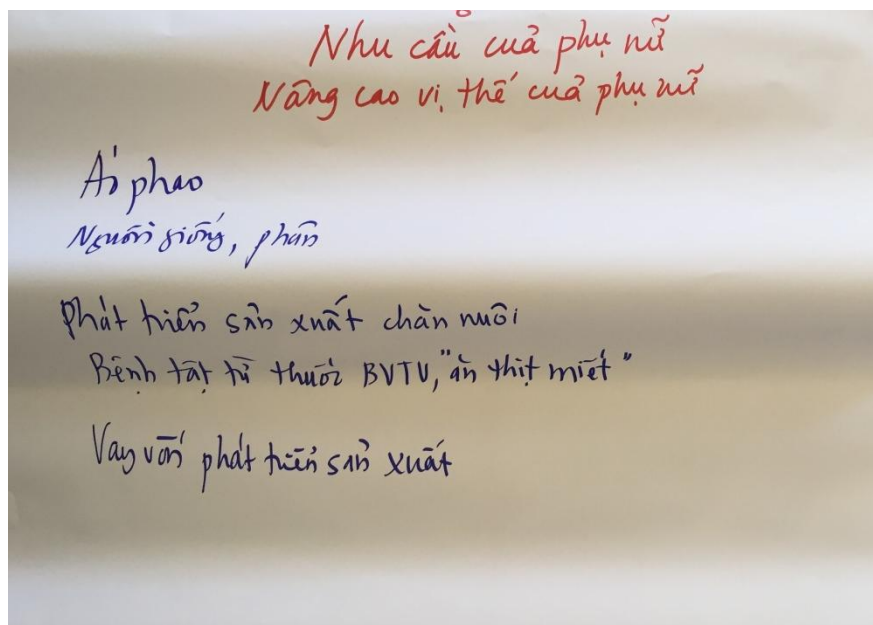
Đề nghị các nhà máy thủy điện tăng cường thêm loa báo hiệu xả lũ ở các thôn thấp lụt.

Nhu cầu thực tế của phụ nữ

Chăn nuôi bò

Nhu cầu chiến lược của phụ nữ

Nâng cao hiểu biết cho phụ nữ về kiến thức chăm sóc sức khỏe sinh sản





CHƯƠNG 4: THẢO LUẬN, KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Thảo luận

1.1. Đánh giá tác động giới này khẳng định một lần nữa sự khác biệt trong phân công lao động cũng như kiểm soát các nguồn lực giữa phụ nữ và nam giới trong các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi phát triển thủy điện A Vương. Do đó, việc không chú ý giới khi thực hiện các dự án kinh tế và phát triển cơ sở hạ tầng không chỉ đem lại những tác động tiêu cực khó giải quyết đến cộng đồng nói chung mà tác động mạnh mẽ hơn lên phụ nữ vốn đã chịu nhiều thiệt thòi. Ở các cộng đồng đồng bào Cơ Tu, vấn đề về giới còn liên quan đến yếu tố cấu trúc quyền lực và văn hóa, đòi hỏi phải có nhiều can thiệp mang tính hệ thống và đồng bộ của nhiều bên liên quan. Trả nợ hồi môn là một tập tục và hệ ý thức ăn sâu quy định sự bất bình đẳng nam nữ hiện nay, “phụ nữ làm càng nhiều việc, nhất là việc nặng, thì được cho là vợ tốt, cha mẹ chồng khen là con dâu hiếu thảo. Có thế thì mới được gia đình nhà chồng tôn trọng” (Hộp 4.1).

Hộp 4.1: Ý thức hệ trên tập tục trả nợ hồi môn

Theo phong tục truyền thống, mặc dù có nhiều dòng họ như vậy, nhưng luật tục Cơ Tu cũng có những quy định về hôn nhân, những người cùng dòng họ không được lấy nhau. Khi chàng trai bắt gặp một cô gái rồi đem lòng yêu mến và cô gái cũng ưng cái bụng với chàng trai mình yêu, thế là họ đến với nhau mà không có sự ép duyên hay ràng buộc của cha mẹ và hai bên gia đình. Lúc hỏi và cưới, gia đình nhà gái hầu như chẳng tốn kém gì cả, mà còn nhận được nhiều sính lễ có giá trị như trâu, bò, lợn, gà, trang sức bằng mã não, thổ cẩm, chiêng, ché quý từ gia đình nhà trai. Chính vì sự tốn kém này nên không biết từ bao đời nay, người đàn ông Cơ Tu đã cưới vợ về nhà là để làm thay mình, từ công việc nhẹ đến công việc nặng nhọc nhất. Với những người con trai Cơ Tu mồ côi cha, mẹ thì việc cưới vợ cũng không nằm ngoài sự khát khe và ràng buộc, bởi luật tục là họ phải chịu nợ truyền kiếp, từ đời này sang đời khác bên nhà vợ.

Chúng tôi có may mắn nhiều năm đến vùng đồng bào Cơ Tu sinh sống để công tác, rồi tình cảm cũng dần gắn bó mật thiết với bà con. Qua một số người già lớn tuổi, những già làng am hiểu về phong tục, tập quán của người Cơ Tu, chúng tôi được biết: Khi trai gái Cơ Tu yêu nhau, để xác lập mối quan hệ đó, người Cơ Tu thường tổ chức đám cưới thật thịnh soạn, quy mô. Có thế thì gia đình đó mới không bị cộng đồng chê trách. Đa phần số người được hỏi đều cho rằng, vì mình phải tốn kém nhiều trâu, bò, lợn, gà đến đồ trang sức, thổ cẩm, ché, chiêng quý mới cưới được vợ, vì thế, nó phải làm cả đời để bù lại những thứ đồ mà mình đã bỏ ra. Đây không phải là chuyện lạ đối với tộc người Cơ Tu, người phụ nữ phải gánh chịu mọi công việc nặng nhọc trong gia đình, thậm chí có khi làm việc đến kiệt sức cũng không được kêu ca, oán thán. Tập tục này đã ăn sâu vào tiềm thức của tộc người Cơ Tu nên họ không bỏ được.

Và mỗi lần về vùng đồng bào Cơ Tu sinh sống, cả ở vùng cao, vùng trung và vùng thấp, chúng tôi được tận mắt chứng kiến biết bao người phụ nữ Cơ Tu phải lao động cực nhọc. Hằng ngày, sau mỗi lần đi làm rẫy về, các cô gái Cơ Tu còn mang nặng đủ thứ trên vai như củi khô, sắn, măng rừng cho đến những gùi lúa đầy nặng trĩu trên vai, trên khuôn mặt, những giọt mồ hôi và nước mắt mặn chát cứ chảy dài theo nhịp cuộc đời, khiến chúng tôi cảm thấy quặn lòng. Từ bao đời nay, người Cơ Tu làm nương rẫy theo phương thức canh tác nhỏ lẻ, chủ yếu trông trọt, làm nương rẫy trên các triền núi cao, vì vậy mà người phụ nữ Cơ Tu đã trở thành lao động chính để nuôi toàn bộ cha mẹ chồng, con cái trong gia đình... Bên cạnh đó, tư tưởng trọng nam, khinh nữ vẫn còn hiện diện rất rõ trong cuộc sống hằng ngày của họ bởi những sinh lễ mà gia đình nhà gái đã nhận ở nhà trai. Theo phong tục, người phụ nữ Cơ Tu sau khi lấy chồng rồi thì không được bỏ nhau, dù phải chịu tải nhọc suốt cả cuộc đời, vì nếu ly hôn thì lấy đâu tiền, trâu, bò, chiêng ché, đồ trang sức mà trả lại cho nhà chồng. Ngược lại, từ trước tới nay, người đàn ông Cơ Tu làm việc rất ít. Hằng ngày, họ thường rủ nhau lên rừng săn bắn các loại chim thú, đặt bẫy để bắt heo, mang, nai hoặc chiết rượu từ cây T'đin về uống. Mọi công việc nương rẫy, từ việc gieo trồng, làm cỏ, chăm sóc cho đến thu hoạch đều đổ lên đôi vai người vợ, người mẹ. Vì vậy, suốt từ bao đời nay, cái đói, cái nghèo cứ đeo bám mãi với người Cơ Tu chủ yếu do tập tục lạc hậu này đem lại.

Nguồn: Sơn Gia Phúc. 2014. Một tập tục của người Cơ Tu cần được loại bỏ. Biên phòng ngày 13.3.2015. Truy cập: <http://www.bienphong.com.vn/mot-tap-tuc-cua-nguoi-co-tu-can-duoc-loai-bo/>

1.2. Đánh giá tác động giới ở vùng hạ lưu cho thấy sự khó khăn hơn của phụ nữ trong việc thay đổi các sinh kế truyền thống trong một môi trường phi nông nghiệp hóa do những điều kiện tự nhiên mới gây nên (đất đai, thổ nhưỡng, chế độ lũ lụt...) trong khi những điều kiện về đô thị hóa và công nghiệp hóa chưa diễn ra.

1.3. Tác động của thủy điện lên vùng hạ lưu xã Đại Hồng có nhiều gợi ý về chính sách trong việc xác định đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án thủy điện, đặc biệt là tác động tích hợp của nhiều thủy điện. Thậm chí các quy định của các tổ chức quốc tế cũng chỉ tập trung vào đối tượng bị tác động trực tiếp do thu hồi đất từ dự án, để lại một khoảng trống đối với những cộng đồng bị tác động khác. Đồng thời, xét về mặt thời gian, sự phát triển của các hộ gia đình và cộng đồng cần được cân nhắc trong các kế hoạch quản lý tác động và can thiệp phát triển một cách bền vững, hơn là chỉ dựa vào thời điểm khóa sổ (cut off), như trường hợp các hộ mới phát sinh ở các khu tái định cư của dự án.

1.4. Bài học về xây dựng khu tái định cư ở các vùng đồng bào dân tộc cũng như việc điều tiết nước, đặc biệt trong điều kiện vận hành liên hồ chứa cho thấy cần phải kết hợp tri thức khoa học với tri thức địa phương bao gồm sự tham gia của nữ giới và sự đối thoại thường xuyên, cơ chế lắng nghe và học tập giữa các bên liên quan để xử lý các vấn đề mới nảy sinh. “Chiếc áo” cơ chế về đánh giá tác động môi trường và các quy định trách nhiệm đối với những dự án xây dựng thủy điện trở nên “quá chật” để có thể phát triển dự án thủy điện mang tính bền vững, lâu dài.

Hộp 4.2: Tái định cư và góc nhìn văn hóa

Để có cái nhìn khách quan, đánh giá đúng đặc điểm và bản chất của việc TĐC bởi tác động của thủy điện A Vương, ta cần nhìn lại việc chuyển cư trong lịch sử của các cộng đồng ở đây. Trong lịch sử, các làng bản ở đây đã thực hiện nhiều lần di chuyển nơi ở, mà chúng ta gọi là “du cư”. Lần TĐC này là một trong diễn trình đó, tuy nhiên, lại khác nhau về nguyên nhân và đo vậy hệ quả cũng rất khác nhau. Ở đây, cần làm rõ hơn khái niệm “du cư” để ta thấy được bản chất của vấn đề chính là “định cư” hay “tái định cư” theo quan điểm của người dân. Đối với họ, “du cư” chỉ thực hiện khi làng gặp phải “vấn đề” lớn như hỏa hoạn, dịch bệnh, chết xấu liên tục, xung đột với làng khác,... và chỉ “loanh quanh” trong vòng bán kính nhất định, vì họ không muốn đi xa do đã quen khu vực rừng này; vì đi xa sẽ “đụng” phải làng khác; không thể đi xa vì đất rừng ở đâu cũng có thần linh vùng đó cai quản. Theo đó, “du canh” chủ yếu là luân canh rẫy trong một phạm vi nhất định, và cũng bởi những lý do trên. Đây là quá trình chuyển cư tự nhiên, dựa trên sự chọn lọc và thích ứng được kiểm chứng từ ngàn năm nay. Do đó nó đảm bảo sự ổn định đời sống về mặt cư trú và sản xuất. Hay nói cách khác, đó là quá trình chuyển hướng tới sự phát triển, đảm bảo điều kiện tốt hơn nơi ở cũ về cư trú và đất đai sản xuất, yên tâm hơn về mặt tâm linh. Điều này hoàn toàn khác với TĐC thủy điện A Vương hiện nay. Thực tế là ngoài những khó khăn như các khu TĐC khác đang phải đối diện, ở đây có hai làng đang buộc phải “tái định cư lần thứ hai” là khu Alua và K'la (xã Đàng), và cũng lại đang gặp trở lại những vấn đề cũ, đặc biệt là quan niệm truyền thống.

Theo già làng B'nuoch Bút (thôn K'la), tập quán của người Cơ Tu không xây dựng làng gần

nhau, để tránh xảy ra xích mích, mâu thuẫn về đất đai sản xuất,... Thực tế là khu đất TĐC quá gần với làng Ka liếc. Tương tự như việc Ban TĐC thủy điện A Vương chọn khu vực xã Tu cho các hộ dân bị ảnh hưởng của xã Ma Cooih, đã gặp sự phản đối của người dân, bởi những lý do: vùng đó quá xa nơi ở cũ; là vùng đất của cộng đồng khác; là vùng không phải của tổ tiên mình...

Nguồn: Lê Anh Tuấn 2014

Hộp 4.3: Động đất liên tục xảy ra tại các công trình thủy điện gây lo ngại cho người dân lẫn chính quyền địa phương tại tỉnh Quảng Nam

Chiều 10.8.2018, UBND tỉnh Quảng Nam đã tổ chức buổi họp nghe báo cáo tình hình các hồ chứa thủy điện trên địa bàn. Cuộc họp diễn ra sau khi Thủ tướng có chỉ thị yêu cầu rà soát, bảo đảm an toàn các hồ chứa sau sự cố vỡ đập thủy điện gây thiệt hại nặng ở Lào.

Ông Trương Xuân Tý, Chánh Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam, cho hay đến thời điểm này, đã có 17/20 hồ chứa thủy điện trình phương án phòng chống lũ lụt cho vùng hạ du. Ông Tý cho rằng đa số các chủ đập chưa xây dựng phương án cho tình huống vỡ đập và lúng túng trong việc xác định "tình huống bất lợi" xảy ra.

Theo ông Huỳnh Tấn Đức, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam, quy trình vận hành liên hồ chứa bộc lộ nhiều bất cập khi triển khai trên lưu vực hạ du sông Vu Gia - Thu Bồn, tỉnh đã kiến nghị nhiều lần nhưng chưa được điều chỉnh. Ông Đức đề nghị rà soát thủy điện nhỏ, cái nào chủ đầu tư không đủ điều kiện làm thì cho dừng hẳn, không nên kêu gọi nhà đầu tư khác thay thế và mạnh dạn đưa ra khỏi quy hoạch.

"Tôi đề nghị đặc biệt lưu ý với 2 thủy điện Sông Bung 2 (huyện Nam Giang) và Sông Tranh 3 (huyện Tiên Phước) đang có chủ trương tích nước trong năm nay" - ông Đức nói.

Ông Lê Trí Thanh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam, đồng tình với đề xuất rà soát lại các thủy điện vừa và nhỏ. Ông cho biết Quảng Nam sẽ cho dừng chứ không phát triển thêm dự án thủy điện.

Trong khi đó, theo TS Nguyễn Xuân Anh, Viện trưởng Viện Vật lý Địa cầu (VLĐC), từ số liệu thu thập được cho thấy trong năm 2017 và nửa đầu 2018, mạng trạm địa chấn ở khu vực huyện Bắc Trà My (tỉnh Quảng Nam) ghi nhận tổng cộng 69 trận động đất từ 2,5 đến 3,9 độ Richter và nhiều động đất nhỏ hơn.

TS Xuân Anh cho biết biểu đồ biểu diễn hoạt động động đất và quá trình tích nước hồ thủy điện Sông Tranh 2 cho thấy trong quá trình tích nước, hoạt động động đất ở đây vẫn diễn ra

với tần suất khá cao và sắp tới chưa có dấu hiệu suy giảm rõ rệt. Theo ông, ở các công trình thủy điện lớn thường xảy ra các động đất kích thích, sau một thời gian nhất định sẽ hết. Thế nhưng, thủy điện Sông Tranh thì "hơi đặc biệt" - tuy có giảm về độ lớn nhưng số lượng không giảm. Đáng chú ý, ngoài khu vực thủy điện Sông Tranh 2, từ ngày 14 đến 31-5, có 6 trận động đất từ 2-3 độ Richter xảy ra trên địa bàn huyện Phước Sơn (tỉnh Quảng Nam) và lân cận - nơi có thủy điện Đắc Mi 3, 4.

TS Xuân Anh đề nghị theo tiêu chuẩn của đập cao thế giới, trước khi cho phép thủy điện Sông Tranh 3, Sông Bung 2 tích nước, cần phải quan trắc động đất, đánh giá rủi ro về công trình thủy điện.

Nguồn: Trần Thường. 2018. Thủy điện ở Quảng Nam lo động đất. Người Lao động 11.08.2018. Truy cập: <https://nld.com.vn/thoi-su/thuy-dien-o-quang-nam-lo-dong-dat-20180810214449462.htm>

2. Kết luận

Công ty thủy điện A Vương đã có một cơ chế đối thoại và hỗ trợ liên tục các cộng đồng tái định cư và cộng đồng vùng hạ lưu của thủy điện. Cách tiếp cận này không chỉ thể hiện việc tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của chiếc áo cơ chế mà có thể mở ra những suy nghĩ và cách làm theo hướng phát triển thủy điện có trách nhiệm và bền vững. Đánh giá tác động giới này với sự tham gia tích cực của công ty có thể mở ra những hướng can thiệp không chỉ giảm thiểu tác động không chỉ lên cộng đồng nói chung mà đối với các nhóm phụ nữ và nam giới khác nhau trong các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi thủy điện.

Hộp 4.4: Công ty Thủy điện A Vương: Giúp dân hiểu hơn về xả lũ

Sau 7 năm tích cực thực hiện truyền thông cộng đồng và phối hợp với chính quyền địa phương các cấp trong việc điều tiết nguồn nước, Nhà máy Thủy điện A Vương đã giảm được thiệt hại trong mùa mưa lũ, đồng thời góp phần nâng cao sự hiểu biết của người dân về khai thác và sử dụng nguồn nước.

Ông Ngô Xuân Thế - Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thủy điện A Vương cho biết, năm 2009, khi Thủy điện A Vương được đưa vào vận hành, đã xuất hiện đợt lũ lịch sử cuối tháng 9. Tuy nhiên, việc vận hành điều tiết hồ chứa đã được thực hiện rất tốt, không gây đợt biến lũ cho vùng hạ du và cắt giảm được 146 triệu m³ nước trong tổng số 295 triệu m³ đổ về hồ (gần ½ đung tích lũ).

Nhưng tại thời điểm đó, do việc cung cấp thông tin cho cộng đồng chưa kịp thời và chưa được quan tâm đúng mức, nên dư luận xã hội đều quy kết nguyên nhân là do Nhà máy Thủy điện A Vương xả lũ, gây lên hiện tượng lũ chồng lũ, làm thiệt hại nặng nề cho người dân

vùng hạ du.

Nhận thức được vấn đề này, Công ty CP Thủy điện A Vương đã lập kế hoạch đẩy mạnh công tác truyền thông trong cộng đồng, cung cấp thông tin một cách công khai, minh bạch, khách quan và chính xác cho chính quyền và nhân dân các địa phương vùng hạ du. Đồng thời tiếp nhận, giải đáp kịp thời các thông tin phản hồi cũng như đề xuất các giải pháp khắc phục, giúp người dân có cách nhìn khách quan, công bằng hơn đối với việc xả lũ vùng hạ du, đồng thời chủ động hiệu chỉnh, đổi mới phương thức quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện, mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực.

Liên tục từ năm 2010 tới nay, Công ty đã thực hiện các đợt truyền thông cộng đồng tại vùng hạ du với nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn (chiếu phim về biến đổi khí hậu, tiểu phẩm kịch bài chòi “Bảo vệ chính mình”, bốc thăm trả lời câu hỏi về phòng tránh thiên tai có trúng thưởng, thi tìm hiểu về phòng chống thiên tai trong học sinh, tóm tắt quy trình liên hồ bằng phim 3D...)

Ông Ngô Xuân Thế cho biết: “Các hình thức truyền thông trên đã thu hút được sự quan tâm của mọi tầng lớp nhân dân. Đặc biệt, từ chủ trương đẩy mạnh tuyên truyền của Công ty, từ năm 2015 đến nay, các nhà máy thủy điện trên sông Vu Gia gồm: Đăk Mi 4, Sông Bung 4, Sông Bung 4A, Sông Bung 5, Sông Bung 6 và NMTĐ Sông Côn đã chung tay góp sức tổ chức các hội nghị truyền thông, mang lại hiệu quả thiết thực”, ông Ngô Xuân Thế cho biết.

Đánh giá về hình thức truyền thông cộng đồng mà Công ty CP Thủy điện A Vương đang thực hiện, ông Trần Quốc Khánh - Trưởng phòng NN&PTNT huyện Đại Lộc (tỉnh Quảng Nam) nhận xét, Đại Lộc là huyện thuộc vùng hạ du của các NMTĐ trên hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn, trước khi có các nhà máy thủy điện, đây là vùng rốn lũ của tỉnh Quảng Nam. Trong những năm qua, cùng với việc vận hành nhà máy hiệu quả, Thủy điện A Vương đã tổ chức các đợt truyền thông cộng đồng tới người dân địa phương với nhiều hình thức phong phú, giúp người dân vùng hạ du có cách nhìn khách quan hơn về vai trò của thủy điện, từ đó ủng hộ và đồng thuận để nhà máy vận hành hiệu quả, mang lại lợi ích kinh tế cho địa phương.

Công ty Thủy điện A Vương:

- Lắp 5 trạm quan trắc, thu thập về lượng mưa trên lưu vực sông từ năm 2009.
- Lắp đặt hệ thống camera giám sát mực nước tại thượng lưu hồ chứa và giám sát các cửa van xả tràn vào năm 2012 kết nối Internet, truyền hình ảnh về Website của Công ty và các cơ quan liên quan theo quy định.

Nguồn: EVN. 2018. Công ty Thủy điện A Vương: Giúp dân hiểu hơn về xả lũ. Truy cập: <https://www.evn.com.vn/d6/news/Cong-ty-Thuy-dien-A-Vuong-Giup-dan-hieu-hon-ve-xa-lu-6-12-21154.aspx>

3. Khuyến nghị

- Đối với cơ quan ban ngành tỉnh, huyện và xã đặc biệt hội phụ nữ các cấp: cần quan tâm xây dựng các chương trình về bình đẳng giới theo chiến lược quốc gia, chú ý đến đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt phụ nữ ở các vùng bị ảnh hưởng bởi các dự án phát triển kinh tế bao gồm thủy điện.
- Đối với Công ty Cổ phần thủy điện A Vương: tiếp tục tiên phong trong xây dựng mô hình phát triển thủy điện bền vững thông qua các cơ chế đối thoại hỗ trợ và những cách tiếp cận mới bao gồm đánh giá tác động xã hội và đánh giá tác động giới.
- Đối với Trung tâm CSRD và Oxfam: tiếp tục hỗ trợ các cộng đồng và phụ nữ bị ảnh hưởng bởi các dự án thủy điện kết nối mạng lưới và hoàn thiện bộ công cụ đánh giá giới có thể áp dụng ở cấp địa phương, làm nền tảng để thực hiện các vận động chính sách ở các cấp khác nhau.

Tài liệu tham khảo

- EVN. 2018. Công ty Thủy điện A Vương: Giúp dân hiểu hơn về xả lũ. Truy cập: <https://www.evn.com.vn/d6/news/Cong-ty-Thuy-dien-A-Vuong-Giup-dan-hieu-hon-ve-xa-lu-6-12-21154.aspx>
- Hồng Thanh. 2014. Tái định cư thủy điện A Vương: Bài học về sự lãng phí. Công an thành phố Đà Nẵng Online ngày 03.09.2014. Truy cập: http://cadvn.com.vn/news/75_119664_ta-i-di-nh-cu-thu-y-die-n-a-vuong-ba-i-ho-c-ve-su-.aspx
- Hồng Thanh. 2016. 10 năm sống “không ổn” của dân tái định cư thủy điện A Vương. Công an nhân dân Online ngày 21.09.2016. Truy cập: <http://cand.com.vn/Phong-su-tu-lieu/10-nam-song-khong-on-cua-dan-tai-dinh-cu-thuy-dien-A-Vuong-408969/>
- Lê Anh Tuấn. 2014. Đời sống của người Katu sau tái định cư thủy điện A Vương: Thực trạng và những vấn đề đặt ra. Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng 56(2014): 41-50.
- Simon, Micheal. 2013. Balancing the scales: Using gender impact assessment in hydropower development. Oxfam Australia.
- Son Gia Phúc. 2014. Một tập tục của người Cơ Tu cần được loại bỏ. Biên phòng ngày 13.3.2015. Truy cập: <http://www.bienphong.com.vn/mot-tap-tuc-cua-nguoi-co-tu-can-duoc-loai-bo/>
- Trần Bá Quốc. 2014. Kết quả nghiên cứu tri thức bản địa về một số biến động môi trường và cuộc sống ở xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam do tác động của thủy điện. Trong Thủy điện miền Trung, Tây Nguyên: Quan tâm của người dân và trách nhiệm của các bên liên quan. Huế: Nhà xuất bản Thuận Hóa.
- Trần Thường. 2018. Thủy điện ở Quảng Nam lo động đất. Người Lao động 11.08.2018. Truy cập: <https://nld.com.vn/thoi-su/thuy-dien-o-quang-nam-lo-dong-dat-20180810214449462.htm>

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH NHÓM ĐÁNH GIÁ

STT	Họ và tên	Giới	Năm sinh	Trình độ	Chuyên môn/công việc	Nơi công tác/nơi ở
1	Nguyễn Quý Hạnh	Nam	1980	Tiến sĩ	Nghiên cứu phát triển	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển xã hội
2	Đoàn Thị Vân	Nữ	1966	Đại học	Ngữ văn	Hội LHH Phụ nữ Đông Giang, 34 năm kinh nghiệm
3	Nguyễn Thị Kim Nhựt	Nữ	1983	Trung cấp, đang học đại học	Luật, Tài chính	Chủ tịch Phụ nữ xã Ma Cooih
4	Lê Thị Lai	Nữ	1983	Đại học	Nông học	Hội LH Phụ nữ Tây Giang
5	Võ Chí Quyết	Nam	1980	Đại học	Xây dựng cầu đường	Phòng Quan hệ cộng đồng – Cty Cổ phần A Vương, kinh nghiệm 10 năm
6	Nguyễn Khánh Tâm Anh	Nam	1954	Trung cấp	Cán bộ nông nghiệp	Xã Đại Hồng
7	Trần Thị Kim Hoa	Nữ	1966	9/12	Chi hội trưởng thôn	Hội PN xã Đại Hồng
8	Lê Văn Long	Nam	1989	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật Quảng Nam
9	Trần Mai Hương	Nữ	1985	Cử nhân	Xã hội học	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Xã hội
10	Hoàng Thị Hoài Tâm	Nữ	1992	Cử nhân	Kế hoạch đầu tư	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Xã hội

PHỤ LỤC 2: SÁU CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ GIỚI CỦA OXFAM

Công cụ 1. Hồ sơ hoạt động

- **Mục đích:** Hồ sơ hoạt động liệt kê những công việc của nam giới và nữ giới, bao gồm những việc được trả lương và không được trả lương để tìm hiểu về nơi làm việc và thời gian diễn ra các công việc đó. Cần xét đến yếu tố mùa vụ trong việc thu thập số liệu khi thực hiện các đánh giá vì nhiều trường hợp cho thấy có sự khác biệt lớn về công việc của phụ nữ và nam giới trong các mùa cũng như các khoảng thời gian khác nhau trong năm.

- **Các câu hỏi chính:** Công việc chính của nữ giới và nam giới trong cộng đồng là gì? Trách nhiệm của họ trong gia đình là gì? Họ đang cùng nhau đóng góp gì cho xã hội.

- Phân công lao động cho nam và nữ trong gia đình như thế nào? Trách nhiệm của họ đối với các công việc trong gia đình, trong cộng đồng?

HỒ SƠ HOẠT ĐỘNG			Ngày:	
Tên làng/thôn/xã:				
Các hoạt động	Nữ giới	Nam giới	Địa điểm	Thời gian
1. Hoạt động sản xuất				
Trồng trọt				
Chăn nuôi				
Hái lượm lâm sản để bán (mây, lá nón, mật ong... Hái lượm lâm sản phục vụ cho tiêu dùng gia đình (củi, rau,...)				
Mua, bán/trao đổi các sản phẩm				
2. Hoạt động tái sản xuất (chăm lo gia đình)				
Sinh con				
Chăm sóc trẻ nhỏ, người già				
Nấu ăn cho gia đình				
Chăm sóc sức khỏe gia đình				
Giặt áo quần, lấy nước, vệ sinh nhà cửa....				
3. Công việc chung của cộng đồng				
Những hoạt động quản lý cộng đồng				
Chính trị cộng đồng (họp thôn, lao động công ích)				
Tham gia những hoạt động định kỳ của làng				
Các hoạt động tâm linh/lễ hội của cộng đồng				
Lao động công ích				
Giáo dục và các hoạt động khác				
Đào tạo, tập huấn, họp phụ huynh				

Công cụ 2. Hồ sơ sử dụng và kiểm soát tài nguyên

- **Mục đích:** Hồ sơ sử dụng và kiểm soát tài nguyên là công cụ đánh giá thực trạng và vai trò của giới trong việc tiếp cận các nguồn tài nguyên. Hồ sơ cung cấp bức tranh tổng quan về cộng đồng và sự tách biệt giới. Bên cạnh đó, công cụ này dùng để xác định người có quyền kiểm soát các nguồn tài nguyên và người ra quyết định về tài nguyên và việc sử dụng chúng theo pháp luật và/hoặc theo thực tiễn của từng hộ gia đình và cộng đồng.

- **Các câu hỏi chính:** Những đối tượng nào sử dụng tài nguyên nào trong cộng đồng? Ai là người ra quyết định đối với các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân tạo? Ai là người kiểm soát các lợi ích (ví dụ: tiền) từ việc sử dụng, buôn bán và khai thác các nguồn tài nguyên?

Hồ sơ sử dụng và kiểm soát tài nguyên				
	Sử dụng tài nguyên		Kiểm soát tài nguyên	
	Nữ	Nam	Nữ	Nam
1. Các nguồn lực trong cộng đồng hoặc trong gia đình				
Đất sản xuất				
Nhân lực				
Tàu và các dụng cụ đánh bắt cá				
Tài sản hộ gia đình – (thiết bị, công nghệ) Công cụ sản xuất, Các trang thiết bị trong gia đình (xe máy, TV, tủ lạnh...)				
Tài sản của con người – chăm sóc sức khỏe => Nguồn lực lao động trong gia đình				
Sử dụng và tiếp cận nguồn tài nguyên chung: + Rừng: rừng tự nhiên, rừng trồng Các vùng đất bỏ hóa Đất công cộng (đất chung cộng đồng) Các vùng đất ven sông suối + Bờ sông + Vùng đất ngập nước + Đất công (đất của cả làng)				
2. Các lợi ích từ việc sử dụng nguồn tài nguyên				
Thu nhập từ việc bán các nông sản Lâm sản phi gỗ, gỗ Thu nhập từ rừng trồng				
Thu nhập từ việc bán cá và các động vật thủy hải sản khác				
Thu nhập từ các sản phẩm thu hoạch				
Quyền sở hữu tài sản (đất, rừng) Quyền sử dụng đất, rừng				

Công cụ 3. Phân tích thể chế

- **Mục đích:** công cụ phân tích thể chế được sử dụng để xác định những tổ chức quan trọng và các quá trình hoặc các cơ chế ảnh hưởng đến quan hệ cộng đồng, và quan hệ giới. Hồ sơ hoạt động được sử dụng như một danh sách kiểm tra nhanh để đảm bảo sự tham gia của nam giới, phụ nữ và cộng đồng.

- **Các câu hỏi chính:** những dịch vụ hàng ngày mà người dân sử dụng? Người cung cấp các dịch vụ này? Cá nhân hoặc tổ chức tham gia thực hiện các hoạt động? Hoạt động của người dân có bị ảnh hưởng bởi các quy định pháp luật không? Những ảnh hưởng đó là gì và làm thế nào để nhận biết chúng? Chúng có mang tính ép buộc không? Sự bất bình đẳng giới có tồn tại trong các tổ chức này hay không?

Các dịch vụ	Tổ chức thực hiện và chính sách liên quan	Tác động		
		Nam	Nữ	Cộng đồng
- Vốn				
- Kinh tế				
- Y tế				
- Giáo dục				
- Khuyến nông				

Công cụ 4. Khung phân tích vấn đề tác động

- **Mục đích:** Thấy được quá trình xây dựng nhà máy thủy điện đã tác động đến những vấn đề về môi trường, xã hội, kinh tế...như thế nào trên góc nhìn của giới (những tác động tích cực hoặc tiêu cực đối với nam và nữ ra làm sao) từ đó đưa ra những giải pháp.

- **Những câu hỏi chính:** Quá trình xây dựng và vận hành đập thủy điện tác động như thế nào đến những vấn đề môi trường, xã hội, kinh tế...? Nam giới chịu những tác động gì? Nữ giới chịu những tác động gì? Cộng đồng chịu những tác động gì? Cần có những giải pháp/hành động nào được thực hiện để giảm thiểu tác động ấy?

Khung phân tích vấn đề tác động				
Vấn đề/tác động	Bối cảnh			Hành động/giải pháp
	Nam giới	Nữ giới	Cộng đồng	
1. Môi trường:				
a) Ô nhiễm: Đất Nước Không khí Tiếng ồn...				
b) Thay đổi về chất lượng, số lượng Đất canh tác (suy thoái, bạc màu, thu hẹp diện tích) Nước (cạn kiệt, khô hạn...) Rừng Nguồn lợi từ rừng: khan hiếm Hệ sinh thái				
2. Xã hội:				
- Tệ nạn xã hội				
- Di dân				
- Thất nghiệp				
- Bệnh tật				
- Học hành của trẻ				
3. Kinh tế:				
- Nguồn thu nhập (thay đổi như thế nào)				
- Chi tiêu				
- Thị trường trao đổi, mua bán sản phẩm				
- Tái nghèo				
4. Khác:				

- Những thay đổi về lương thực/thực phẩm hàng ngày - Thay đổi về hành vi tiêu dùng - Phong tục tập quán - Mạng lưới xã hội (mở rộng hay thu hẹp); phân tích 2 mặt tích cực và tiêu cực - Tiếp cận thông tin				
---	--	--	--	--

Công cụ 5. Đánh giá nhu cầu thực tế và nhu cầu chiến lược

- **Mục đích:** Công cụ này giúp cho các nhà đầu tư dự án thủy điện thấy được nhu cầu của phụ nữ trong bối cảnh hiện tại. Song song với đó là xem xét những vấn đề cần thay đổi hoặc có thể thay đổi để mang lại lợi ích, nâng cao vị thế và quyền lực của phụ nữ trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

- **Các câu hỏi chính:** Nam giới và phụ nữ cần những gì để duy trì cuộc sống hiện tại của họ? Những ưu tiên của nam giới và phụ nữ là gì? Nhu cầu chung của hai giới là gì? Làm thế nào để nâng cao quyền lực của phụ nữ và hiện thực hóa các lợi ích lâu dài? Nguyện vọng của phụ nữ là gì?

Mẫu đánh giá nhu cầu của giới có thể được thiết kế đơn giản. Các thông tin trong mẫu đánh giá nên thu thập theo phương pháp trao đổi riêng với nam giới, phụ nữ và các nhóm gồm cả nam và nữ. Dưới đây là ví dụ...

Đánh giá nhu cầu giới Làng/thôn/xã:	
Nhu cầu thực tế của phụ nữ	Nhu cầu chiến lược của phụ nữ
<ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng đất bờ sông để trồng trọt canh tác - Vào rừng để thu hoạch lâm sản ngoài gỗ - Sử dụng sông và nguồn nước sạch - Củi - Vườn tược - Các dụng cụ đánh bắt cá - Các nguồn chế biến thủy sản - Hạt giống và cây trồng sản xuất <p>Những nhu cầu liên quan tới quản lý và quản trị sông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp cận với thị trường tiêu thụ cá - Có thuyền/các phương tiện để đi lại - Tham gia chương trình đào tạo cụ thể liên quan đến những thay đổi do dự án gây ra - Tìm được việc làm có lương 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo công bằng cho phụ nữ trong các thỏa thuận liên quan đến việc tiếp cận nguồn tài nguyên của cộng đồng, đồng thời đảm bảo quyền tiếp cận đất sản xuất cho họ - Đại diện cho các cơ quan đoàn thể trong hội ngư nghiệp/nông nghiệp - Quyền được bày tỏ quan điểm, ý kiến - Đại diện cho các cơ quan đoàn thể tham gia vào việc đưa ra các quyết định ở địa phương - Được đào tạo kỹ năng lãnh đạo và giữ các vị trí đứng đầu trong các dự án hoặc ở cộng đồng - Có cơ hội học tập - Được trao quyền sử dụng (sở hữu) đất - Được quản lý (giữ) tiền mặt - Được quyền ra quyết định trong gia đình như giáo dục con cái, dựng vợ gả chồng...

Công cụ 6. Nâng cao vị thế phụ nữ

- **Mục đích:** Công cụ này được sử dụng để ghi lại các hoạt động và chương trình diễn ra trong dự án và mục đích của các hoạt động/chương trình đó. Công cụ này khuyến khích các cán bộ dự án đánh giá được tầm quan trọng của những sáng kiến này và tìm cách cải thiện để góp phần tích cực vào việc nâng cao vị thế cho phụ nữ.

- **Các câu hỏi chính:** Phụ nữ có được tham vấn trong việc đưa ra những ý kiến phản hồi trong hoạt động dự án không? Họ có được tham gia vào quá trình đưa ra quyết định dựa trên thông tin đầy đủ không? Họ có được tham gia vào quy trình lên kế hoạch cho các hoạt động không? Các cán bộ dự án đã quan tâm tới cách hỗ trợ cho các hoạt động ban đầu để nâng cao vị thế cho phụ nữ bị ảnh hưởng chưa?

Phân tích công cụ nâng cao vị thế cho phụ nữ

Lĩnh vực	Phản hồi hoặc hoạt động của dự án	Mức độ quan tâm về phúc lợi cho phụ nữ				
		Phúc lợi	Tiếp cận	Nhận thức	Huy động sự tham gia	Kiểm soát
1. Việc làm/hoạt động kinh tế						
Làm vườn	Các công ty cung cấp hạt giống cho các hộ tái định cư					
Nuôi trồng thủy sản cấp hộ	Công ty cung cấp con giống					
Thành lập hội nông dân nữ	Gây quỹ tài trợ					
Phụ nữ được đảm nhiệm các vị trí trong các cơ quan đoàn thể của làng	Phụ nữ được trả phí cho mỗi ngày làm việc của họ Làm việc với chính phủ để đảm bảo đại diện bình đẳng giữa nam và nữ					
2. Giáo dục						
Xây dựng trường học	Nằm trong kế hoạch đầu tư; ngân sách					
Xây cầu	Nằm trong kế hoạch đầu tư; ngân sách					
Xe buýt	Công ty cung cấp					
Giáo viên địa phương sống tại địa phương	Xây dựng nhà trong trường cho giáo viên; làm việc với chính quyền địa phương để đảm bảo hỗ trợ cho giáo viên					
3. Các nguồn lực						
Các quyền liên quan đến đất đai	Làm việc với chính quyền để đảm bảo đất có tên sở hữu của cả nam và nữ					
Quyền sử dụng nước	Cung cấp nguồn lực để thiết lập các nguồn nước dành cho phụ nữ; xác					

	định các ưu tiên của phụ nữ					
Quyền tiếp cận và sử dụng rừng	Tạo điều kiện cho cộng đồng tiếp cận và sử dụng rừng đầu nguồn; thành lập ủy ban kiểm lâm gồm cả nam và nữ					
4. Dịch vụ hộ gia đình						
Kết nối điện lưới	Cung cấp điện cho tất cả các hộ trong khu vực tái định cư					
Lắp vòi nước	Xây dựng kế hoạch dựa trên ưu tiên cho phụ nữ					
Xây nhà	Phụ nữ phải được tham gia vào quy trình thiết kế và quyết định					

Lưu ý: Một số thuật ngữ

- **Phúc lợi:** - Ở mức độ này, phụ nữ sẽ nhận được bồi thường về vật chất hoặc các lợi ích từ dự án
- **Tiếp cận:** Phụ nữ có được địa vị pháp lý và quyền ngang bằng với nam giới trong việc tiếp cận các nguồn lực sản xuất và các yếu tố ảnh hưởng tới sản xuất như lao động, vốn, và nguồn tài nguyên.
- **Nhận thức:** Hiểu được sự khác biệt giữa vai trò của giới và giới tính để thấy được nam giới và phụ nữ bình đẳng trong phân công lao động, không có giới nào chịu sự chi phối của giới nào.
- **Huy động sự tham gia:** Phụ nữ được bình đẳng tham gia vào các quy trình của dự án bao gồm thiết kế, đưa ra quyết định, đánh giá, xây dựng cơ chế và quản lý dự án.
- **Kiểm soát:** Phụ nữ có quyền tham gia bình đẳng vào quá trình đưa ra quyết định và điều này ảnh hưởng tới tính cân bằng trong kiểm soát vai trò và trách nhiệm giới./.



Centre for
Social Research
and Development

Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Xã hội

2/33 Nguyễn Trường Tộ, Thành phố Huế

Email: info@csrd.vn

Điện thoại & Fax: +84 234 3837714

www.csrd.vn

